

TRỊ TÂN

TÒA BÁO: 95-97 CHANCEAULME-HANOI

Mục lục

- | | |
|--|------------------|
| * Rút chiến | Hoa-Bằng |
| * Ca dao mới | Thùy-Thiên |
| * Đại nam đại sự (XXXIX) | Nguyễn-văn-Tô |
| * Những ông nghề triều Lê (XCII) | Ứng-học |
| * Khảo về văn nôm trong thế kỷ XVIII-XIX | Nguyễn-văn-Lô |
| * Trương-hán-Siêu (? — 1351) (I) | Nhật-Nham |
| * Ba người thợ cày mẫn (IV) | Lê-Thanh |
| * Tài liệu đề định chỉnh những bài văn cổ (LXIII) | Ứng-học |
| * Nam dân bát châu thi thảo | Tùng-Vân |
| * Hội «Alexandre de Rhodes» sẽ dựa bản «Lục-vân-Tiến nào?» | Lư-Khê |
| * An-Tư, tiểu thuyết (VII) | Nguyễn-huy-Tướng |

0 \$ 50



Bút chiến

HOA-BANG

Thế nghĩa, cũ thì bút chiến là sự đua ganh bằng ngòi bút trong việc thi văn. Cho đến trong Đệ-
Việt-nam tự-diễn của Hội Khai-trí Tiến-đức, trang 62 có giải nghĩa rằng : « Bút-chiến : tranh cạnh nhau bằng ngòi bút » Rồi thí-dụ : « Cuộc bút chiến trường thi năm trước ».

Xưa kia, chỉ có thi-cử là việc thông-thường trong văn-giới, nên kể nói đến « bút chiến » thì nghĩ là điều ngay rắng đó là một cuộc xô-ga-lan-lộn trong vòng trường ốc, với ngòi bút « quét nghìn quân », sĩ-lữ ganh sức đua tài để hạ phe địch mà tranh lấy khôi, giặc lấy giáp.

Nhưng, ở ta, từ khi thi Hương, thi Hội đã bãi, nghề làm-báo dần dần thịnh-hành, kể nói đến bút chiến thì người ta hiểu ngay theo nghĩa chữ *polémique* của Pháp là có sự « tranh luận » bằng bút mực giữa nhà văn nọ với nhà văn kia, hoặc giữa tờ báo này với tờ báo khác.

Vậy này xin kể về bút chiến theo nghĩa mới.

Bút chiến có nhiều phương diện : hoặc bút chiến về văn-học, hoặc bút chiến về tôn-giáo hoặc bút chiến về chính-kiến, v.v.

Cũng làm việc chính-trị nhưng hai người khác nhau về cách kiến-thường vẫn kịch-liệt « giao-chiến » với nhau trên những tờ báo là cơ-quan chính-trị của đại-ban.

Cả điều đáng chú ý là ở những

nước tiếp-tiến, người ta đã nhận rành được phần cá-nhân và phần cộng-đồng : đảng nào riêng đảng ấy, không hề nhận làm hiệu tựa lẫn nhau, nên cuộc bút-chiến là sự rất thương đối với họ.

Chẳng thế, hai bên tuy là cha con, anh em hay bạn hữu, nhưng đều bất đồng ý kiến với nhau về văn-học hay về chính-trị, người ta vẫn thường gác « cá thể » ra một bên mà « tuyên chiến » bằng ngòi bút. Đó vì người ta hiểu rằng cá-nhân là cá-nhân, mà văn-học là văn-học, chính-trị là chính-trị, không bao-giờ vì sự trái ngược nhau trên giấy trắng mực đen mà giận nhau về phần cá-nhân cả.

Một giáo-sĩ ngoại-quốc có một chuyện với tôi : Khi đương hội thanh-niên, giáo-sĩ đã từng lăn-lộn trong « nghệ » chính-trị. Có khi vì đảng-phái khác nhau, chính-kiến khác nhau, ông viết hàng liên-tục bài đồ bên-vực đảng Cáp-trên của mình mà hội sự công-kiến chính-kiến của đảng Bảo-thủ là đảng của cha. Có chuyện rất thú : một hôm, người của đảng Gât-gu đọc một bài báo của phái đối-h lý dưới một biệt hiệu, thì gọi con tôi là ông giáo sĩ khi còn đang làm chính-trị đó — ra lí cho tem bài báo ấy, nào có biết rằng chính con-mình lại là tác-giả bài báo đang lớn tiếng công-lịch chính đảng của cha.

Lại như câu chuyện bút chiến ở Tàu : Hồi Trung-hoa Dân-quốc mới thành lập, trong văn-học giới Tàu có nổi lên hai phái : một phái sôi-sảng cổ-động cho thơ Văn-bạch-thoại, một phái kịch-liệt phản-đối, hề sức trung-thành với lối văn ngôn. Nhưng sau, trải qua một trận bút chiến, phái Văn ngôn thua phái Bạch-thoại do Trần Độc-Tu và Hồ Thích... chủ trương. Có điều khiến ta đáng phục là, họ vì công tâm mà bút chiến, vì văn-thơ mà tranh luận, nên một khi thua-lý (tả-thắng), thì phái Văn ngôn không ngăn ngại tuyên bố trắng-rang kiến giải và lý luận của phái mình không đúng vưng được, từ đây xin hàng phục phe Bạch-thoại, kể từ ngày « bại trận » này!

Đó, trong các cuộc bút chiến của báo giới ngoại quốc cổ-những chuyện thú là thế.

Còn ở ta ? Phần đông không hiểu ý nghĩa bút chiến, nên ai có những cuộc bút chiến gây sự cớ búng thú cho có vẻ gì. Nhất là nếu không ăn được ở h thuy và những cây bút đứng đắn thì những bậc thức giả ít thích bút chiến, vì họ rằng « dân tâm như thủy tại đầu ».

Còn như : bởi còn « mở mả » tờ D. B. ở Hà nội, báo ấy cứ viết luôn mấy lý lịch liệt công

CA DAO MŨI

Chơi dao thì phải đứt tay,
Hại người, người lại cò ngày hại cho.
Nhân lo thì quả cũng lo,
Yêu nhau vì một chuyện đó mới nên.

Làm người có chí thì nên,
Khôn ngoan thì được, won hèn thì
thua;

Người đời chẳng muốn ganh đua,
Thì đeo tràng hạt lên chùa mà tu.

Qua sông lại gặp sông sâu,
Muốn sang thì phải bắc cầu mà sang.
Chớ nên bỏ ngải tham vàng,
Bề dòng cả thiệp lẫn chúng lạt chung.

Yêu nhau như bát nước dâng,
Sống kia chưa cạn, lòng này chưa phai
Tri-âm nào những ai ai?
Ở đời kiếm cả dưng tài, khó thay:

Thương ai nhan sắc mỹ-miêu,
Sạ cơ lỡ bước lắm chiều gian truân;
Qua đông rồi lại sang xuân
Cây khế mưa móc thấm nhuần lại
trôi.

Bắc thang lên hỏi ông Trời:
Gờ sao ông để cho người giết nhau?
Chẳng trừ tội ác cho mau,
Còn quay mãi quả địa cầu được
chẳng?

Hơn nhau vì mỗi đồng tiền;
Kém nhau vì kém cái tâm mắt trông.
Sống chung mà chẳng ích chung,
Chẳng qua là giống vi-trùng thế gian

Sang anh chưa thật là sang,
Giàu anh cũng gọi là ông-nhông-thế
thời.

Phải Bòm, dãi quạt lầy xôi,
Mưa ghen thì phải có mỗi một câu.

Nuôi anh từ thuở học trò,
Tưởng rồi đỡ đần lặn to thế nào...
Chung qui cũng lại cào-cào,
Bay quanh ngọn lửa làm cao với đời.

Cửa dãi lòi lại giả dãi,
Củi-không mướt mắt mề hời sao bền.
Mặt dãi dốt trắ q thay đen,
Xanh xanh đã có ngọn đèn giới soi.

Hồ Gươm mặt nước xanh xanh,
Đền vua Lê vẫn rêu rêu rêu rêu.
Cuộc đời thịnh thịnh suy suy,
Ba-hà nào phải lặn qui hiện hình,

Sao cho vợ chữ chung tình,
Nặng mịt lên thác xuống ghềnh có
nhau.

Trăm năm lấy nghĩa làm đầu,
Một đời bất nghĩa sang gần mặc ai.
LHUY THIÊN

Vì chuyện này, Ngô Đức Kế, hồng
gây một cuộc bút chiến sôi nổi
làm cho độc giả chú ý đến mình.
Nhưng, chỉ vì báo ấy viết ra làm
lời khiếm nhã, mà lại thấu dốt bìa
đặt, không trọng sự thực, nên cụ
Ngô không giận (chứ không phải
sợ) đáp lại nửa lời. Rồi được ít
đầu, báo ấy cũng đem theo những

lời mặt sát vô lý kia xuống « thế
thiên » rồi.

Người ta chưa biểu mệnh lời
của một vài tờ báo, khi mới ra
đời, thường dùng cái « thuật »
công-kích người vợ, « gây sự »
với báo kia, mong sao cho tại
cái mục-dịch: « già mồm » để cho
người ta đấm-via đến!

Nhưng, độc-giả sẽ là những vị
« quan tòa » xét xử rất công-minh,
đi tuốt bắt lỗi sẽ làm cho rồi
rẻ bết trắng, bết đen: bấy giờ
sự thực sẽ trả lời họ.

Tự-ngữ cõ câu, « Tận áo báo
đến đất », và « chày nhá ra mặt
chuột »: chính là ý thế.

H. B.

ĐẠI-NAM ĐẤT SỬ

Số 39

Ứng-học NGUYỄN-VĂN-TÔ

XXIX. — Mười hai sứ quân (bài rồi)

Trần-Lãm xưng Trần Minh-Công, quán ở trấn Quảng-đông, bên Tàu. Cha là Trần Công-Dực, đến Trần-Lãm sang nước ta chiếm cứ Bồ-hải-kỳ, nay là xã Kỳ-Bồ, huyện Vũ-niên, phủ Kiến-xương, tỉnh Nam-dinh, khi Trần Minh-Công đang quán ở đây còn là cửa bể. Lúc bấy giờ, nước Việt ta nhận dân khổ sở làm thân, không biết nương tựa vào đâu. Có Đinh-Bộ-Lĩnh người ở Đại-hoàng, đến xin làm con nuôi Trần Minh-Công, Minh-Công cho Bộ-Lĩnh cả binh pháp và sĩ mã. Từ bấy giờ Bộ-Lĩnh ẩn nấp ở trong rừng núi, rước mời những người mưu trí, chiêu-tập những dân lưu-vong, khởi nghĩa-binh được vài nghìn người cùng với cha nuôi là Trần-minh-Công, đồng tâm hiệp lực, đồ danh đẹp yên dân, rồi một hôm về năm 968 Minh-Công cho Bộ-Lĩnh đem quân đi đánh một trại rất kịch-liệt, dẹp yên cả mười một sứ quân khác. Bộ-Lĩnh lên ngôi hoàng-dã, đặt tên nước là Đại-cổ-Việt, đóng kinh-dô ở Hoa-tư.

Sau khi Đinh-Bộ-Lĩnh lên ngôi, phong thưởng các công-thần và các cường-sĩ có lần lượt, phong Minh-Sông làm Phụ-độc quốc-tính thượng công, cho thực ấp ở đạo Sơn-Nam, khi Minh-Công làm việc thì trong đạo (tức trong tỉnh) được thanh bình, muôn dân no đủ,

bốn bề lặng yên. Minh-Công nói với vua Đinh xin đi chu-du thiên-hạ, chọn một nơi sinh-tử (trời bắt làm từ khi còn sống) để lập chỗ tượng-hóa về sau, vua Đinh bằng lòng. Minh-Công bèn đi xe dạo khắp trong đạo, ngạn-thường non sông, cũng có khi gầy dân ngâm thơ, đối công giới đất.

Có một hôm Minh-Công đi đến trang Lạc-đạo, phủ Thiệu-trường, nơi ứng phạ lão nhân dân ra làm lễ lạy mừng. Minh-Công bèn dừng xe đóng quán ở đây, Minh-Công dạo xem trong ấp, thấy sông núi quanh co, tay lưng tay hồ ôm lại, núi không cao mà đất cát không lẫn, nước không trong mà ruộng được mùa, Minh-Công liền truyền cho binh-sĩ và nhân dân, tập một nơi bàn-hung ở giữa làng khi làm xong, Minh-Công mở tiệc uống rượu, tuyên triệu phụ-lão nhân dân cùng lại hầu yến, rồi cho nhân dân hai mươi nén vàng để mua ruộng đất đại làm công bãi về sau. Nhân dân bái lĩnh xong, Minh-Công lại đi xe về triều, xin trang Lạc-đạo làm dân tạo-lộ (ạo lệ nghĩa là quét dọn, dân tạo-lộ thì không phải xui thuê thuê thuê p àn các việc binh lương đều được tha. Vua Đinh chuần cho, từ bấy giờ trang Lạc-đạo được ấm no, nhân dân đều là nhờ ơn-dức.

Minh-Công về triều, làm, phụng tượng quốc, phụng đánh đồng dẹp.

bắc, có nhiều kỳ-công, ban thưởng công-tiền không ai hơn nổi, Minh-Công ở triều vài năm, lúc ấy đã ngoài 60 tuổi, nộp ấn từ chức quan, về ở trang Lạc-đạo để tiện việc dưỡng phàn, về ở cung sở, khuyên dạy làm ruộng gồng trâu bảo dân cấy cấy, khởi xướng việc lợi, trừ bỏ điều hại, được vài năm, nhân dân nhờ làm, dân thuần tục tốt, đủ làm một làng văn-hiến.

Sau bị bệnh, cầu khẩn khắp nơi, uống thuốc không khỏi, rồi mất ở nơi chiếu-ấm giữa bàn-hung. Hôm ấy là ngày mười tháng mười, nhân dân làm lễ an-táng. Vua Đinh nhớ công đức, liền sắc chỉ tặng phong làm « Quốc-tể Trần Minh-công đại-vương, gia phong Liệt-tể, Linh-ương thượng đẳng thần » sắc quan đưa về để tế và ban ba trăm quan tiền cho nhân dân sửa sang miếu, hàng năm đến mùa xuân mùa thu sai quan đến tế.

Trải qua Lê, Lý, đến đời Trần Duệ-Tông đi đánh Chăm-thành và Lê Thái-tể khởi nghĩa đánh nhà-Minh, đều có âm phò, nên triều nào cũng có sắc phong Dục-quốc-công Hoàng-dã Đại-vương, Liệt-tể Linh-ương thượng đẳng-thần.

(Còn nữa)

Ứng-học NGUYỄN-VĂN-TÔ

Hộp thư

Ông Trần Ngọc Sáu, Vĩnh-yên — Đã nhận được số tiền 12\$ mua 6 tháng báo T.T. từ 10/1/1944.

BIA VĂN MIẾU

NHƯNG ÔNG NGHỀ TRIỀU : E

Số 92

Ông-bà NGUYỄN VĂN TỐ

6. — Nguyễn dương-Cổc, người làng Đan-liên (Châu-nha), huyện Thuận-hải, phủ Hà-hoa, tỉnh Nghệ-an. Năm 24 tuổi đỗ tam giáp khoa thi-sử 1505. Làm quan đến giám sát ngự-sử, dịch ở *Đặng khoa lục*, q. 2, tờ 3 a; *Đặng khoa bị khảo*, q. Nghệ-an, tờ 48 a, chép đỗ năm 26 tuổi).

7. — Ngô-Tảo, người làng Đan-phước, huyện Lễ-xiang (Vân-giang), phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc (Bắc-ninh). Năm 32 tuổi đỗ tam giáp khoa 1505. Làm quan đến tham-chính. Sinh ra Ngô-thuật-Kông, đỗ tam giáp khoa 1517 *Đặng khoa lục*, q. 2, tờ 3; *Đặng khoa bị khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 96 b).

8. — Đỗ-Hoảng, người làng Hoàng-na, huyện Yên-dũng, phủ Lạng-giang, trấn Kinh-bắc. Năm 33 tuổi đỗ tam giáp khoa 1505. Làm quan đến Lễ-bộ-tả-thư-lang (*Đặng khoa bị khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 73 b). *Đặng khoa lục*, q. 2, tờ 3 a, chép đỗ năm 23 tuổi, làm quan đến Lễ-bộ hữu-thư-lang.

9. — Nguyễn-dinh-Lại, người xã Lạc-lĩnh, huyện Siêu-loại, phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc. Đỗ hội nguyên-dinh-thứ ba đỗ tam giáp khoa 1505. Nguyên trước lên là Lãn-ngũ là hời; vua Lê Uy-mục đổi là Dinh-Lại, nghĩa là triều-dinh nước. (*Đặng khoa lục*, q. 2, tờ 3 a; *Đặng khoa bị khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 104 a).

10. — Tống-sư-Lộ, người làng Tân-mộc, huyện Nông-cống,

phủ Tĩnh-gia, trấn Thanh-hoa. Năm 33 tuổi đỗ tam giáp khoa 1505. Làm quan đến t. a n-chính. Là ông nội Tống-Lục, đỗ tam giáp khoa 1670 (*Đặng khoa lục*, q. 2, tờ 3 a; *Đặng khoa bị khảo*, q. Thanh-hóa, tờ 48 a).

11. — Nguyễn-nhân-Sĩ, người huyện Vĩnh-lạc, phủ Hải-dương. Đỗ tam giáp khoa 1505 (*Đặng khoa lục*, q. 2, tờ 3 b). *Đặng khoa bị khảo* (q. Hải-dương, tờ 49 b) chép là Vũ-nhân-Sĩ, người xã Nhân-phước, huyện Từ-kỳ, phủ Hạ-hồng, tỉnh Hải-dương.

12. — Nguyễn-phí-Hồ, người làng Kim-dô, huyện Từ-hải, tỉnh Nghệ-an. Năm 33 tuổi đỗ tam giáp khoa 1505. Làm quan đến tham-chính (đỗ ngự-sử) (*Đặng khoa bị khảo*, q. Nghệ-an, tờ 48 b; trong nói một câu rằng Quốc-sử chép người Gia-lam; *Đặng khoa lục*, q. 2, tờ 3 b, chép đỗ năm 27 tuổi).

13. — Lê-đức-Mao, người làng Đông-hội (Thiên-dương), huyện Yên-lãng, phủ Tam-dị, trấn Sơn-ây. Năm 32 tuổi đỗ tam giáp khoa 1505. Làm quan đến tự-khánh (*Đặng khoa bị khảo*, q. Sơn-tây, tờ 44 a-b; *Đặng khoa lục*, q. 2, tờ 3 b).

14. — Nguyễn-văn-Bính, người làng Thổ-bông, huyện Thiên-thị, phủ Kư-ai-châu, trấn Sơn-nam. Năm 26 tuổi đỗ tam giáp khoa 1505. Làm quan đến Công-khoa-dô-ấp-sự-trung (*Đặng khoa lục*, q. 2, tờ 3 b; *Đặng khoa bị khảo*, q. Sơn-nam, tờ 71 b).

15. — Nguyễn-Huy, người xã Hạ-Thanh-cai, huyện Thanh-cai phủ Ứng-thiên, trấn Sơn-nam. Đỗ tam giáp khoa 1505. Làm quan đến thừa-chính-sứ, tri sĩ (*Đặng khoa lục*, q. 2, tờ 3 b; *Đặng khoa bị khảo*, q. Sơn-nam, tờ 36 b).

16. — Hoàng-Trung, người xã Thượng-dặng, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sắc, trấn Hải-dương. Đỗ tam giáp khoa 1505. Làm quan đến Hộ-khoa-dô-ấp-sự-trung (*Đặng khoa lục*, q. 2, tờ 3 b; *Đặng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 62 a).

Trả lời tập-chí Văn mới (Hải-Thuyền)

Tập-chí Văn mới số 38 39, ra ngày 25 tháng 7 tây vừa rồi, đăng ở mục Văn mới tập-trở, dưới quyền Văn minh sử, một bài đặt tên là *Biên-dã và bia-lệnh (I)*: Câu chuyện « Những ông Ngự- triều Lê ». Văn mới có bài trước « chỉ có ý hỏi » (?) to. Hai điều: một là « có còn đăng 11 giờ đi tìm ngày sinh tháng đẻ quê quán, chức tước của những ông nhân ông Nghè triều Lê không », hai là « sao không... biết khảo n. ông văn hóa, xã hội, chính trị của nước ta hôm xưa...? »

Nếu « chỉ có ý hỏi » hai điều ấy, sao lại có câu: « Các độc-gia (?) sẽ phải tự hỏi: Biết về quê quán, tên t. đi, chức tước của những ông nghè kia (I) phỏng có lợi gì? » Bây giờ nói thừa như thế, có phải là tại Văn mới đã bắt đầu hỏi ngỏ rồi không? Hay là tại giới không nổi, mà cái lỗi vụ-hoạt đã anh-ràng ra đây?

(Xem tiếp trang 8)

KHẢO VỀ VĂN NÔM trong thế-kỷ 18-19

Ứng-hòa NGUYỄN-VĂN-TO

Nhà soạn-bản Đời mới vừa cho ra quyển Phan-Trần Chúc, Văn-chương quốc âm về thế-kỷ XIX, được 164 trang khổ giấy 12×19.

Ông Phan Trần Chúc lại đăng báo rằng: quyển ấy « mới khởi thảo, hiện viết chưa xong và cũng chưa kịp sửa chữa lại, nhá Đời mới đã tự sửa chữa đi theo ý mình, vậy cuốn sách dó xin coi như tác-phẩm của riêng nhà ấy ». Nay tôi cứ quyển sách đã in mà xét, vì bốn phần nhà phê-bình hề thấy chỗ sai nhầm thì phải nói.

Quyển ấy tên sách đề là thế-kỷ 19 mà trong nó cả đến các thế-kỷ khác, như mấy lần đầu bài dưới này. Từ nguồn-gốc-văn-chương Việt nam đến việc sang kiến ra chữ nôm (tr. 5—40); Văn-xuôi (tr. 41—92); Văn lục bát và lục bát gián thất trong các tiểu thuyết và sử ký (tr. 93—164).

Xem thế thì biết xếp đặt không có thứ tự: đang lẽ lối văn xuôi mới phải nói trước lối văn xuôi mới đúng, vì cả sách ta đều chép nước ta có thơ phú, om bắt đầu từ đời Trần. Sử chép rằng: « Mùa thu tháng 8 năm Thệu-bảo thứ 4 (1282), có cơn cá ngặc (cá sấu) đến sông Phố-lương (tức Nhị-hà). Vua Trần Nhân-tôn sai Hinh bộ thượng-thư là Nguyễn Truyên làm văn ngâm ngợi song. Cá ngặc tự đi (chỗ này ông Phan-Trần Chúc chép là « làm văn tế » thì không đúng, vì chữ hơ chỉ có chữ « vi

văn đầu chỉ giảng », nghĩa là làm văn nôm xuống sông, chứ không có nghĩa gì là tế, vả lại đã tế là kính-cần, không có lẽ lại nôm). Vua cho việc ấy giống việc Hàn-Đũ, nên ban cho Nguyễn Truyên là họ Hàn-Truyên là người Tuân-lâm, Hải-dương, đỗ thái-học-sinh đời Trần Thái-ông (1225-1282), làm thơ phú bằng quốc-ngữ (quốc âm hoặc nôm), người ta bắt-chước nhiều. Vì thế đời sau gọi thơ quốc-âm là Hàn-luật. — Thơ phú nước ta phần nhiều dùng quốc ngữ bắt đầu từ đây. (Khâm-định Việt-sử, chính biên, q. 7 từ 26 a; và Việt-sử tổng-vịnh, q. 6, từ 4 a và b). Cứ như thế, thì lúc ấy mới có thơ, phú, chứ chưa có văn xuôi bằng quốc-âm, và xem như sử chép thì bài văn nôm xuống sông, không phải là bài văn quốc-âm, cho nên bài này không chép một chữ gì là có chữ quốc-âm. Nhân việc Nguyễn-Truyên làm văn ngâm và ngâm, nên bài cuối mới chép sự tích Nguyễn-Truyên quê ở đâu, đỗ năm nào, và là người hay làm thơ, phú bằng quốc-âm. Cũng như chép: « Năm thứ 14 hiệu Hưng-long (1305) đời Trần Anh-tông, sai Thiên-chương-học-sĩ là Nguyễn-sĩ Cổ giảng Ngũ kinh », đến bài con lại chép rằng: « Sĩ-Cổ là người hay Khoi-hải, người ta ví với Đông-phương-Sắc; lại hay làm thơ, phú bằng quốc-âm, nhiều người bắt-chước » (K. đ., chính-biên, q. 8, từ 44 a)

thế thì việc hay khoi-hải và việc làm thơ, phú nôm có dính gì đến việc giảng Ngũ kinh đâu? Đại-khai văn nôm nước ta thoát tiền có từ đầu đời Trần (vào khoảng năm 1225—1282) mà mới có thơ, phú chứ chưa có tản-văn. Còn như hai tiếng văn xuôi, là từ ngày báo quốc-ngữ thịnh-hành mới có, về rồi chữ nôm, thì gọi là tản văn, chứ chưa gọi là văn xuôi, nay đem hai tiếng văn xuôi mà gán vào thế-kỷ 19, thì có lẽ không đúng.

Nội-dung quyển sách chia ra ba đoạn, như trên vừa nói, đoạn nào cũng kể qua tiêu-sử về người làm-rời (trích dẫn một vài câu. Tưởng như thế, mà làm cho kỳ lưỡng, thì cũng bõ ích; nhưng quyển này làm hơi dài, mà lại nhầm nhiều, lại có chỗ viết những câu quá đáng, như trang 19 có câu: « Các thơ văn của Nguyễn Trãi và Nguyễn Đình-Khiêm, tuy ý-tư chán thậ, nhưng văn-lời lại-lỗ và vụng về không biết nhường nào » so với câu: « Văn-chương của chúng ta hồi đó đương ở vào thời-kỳ phôi-thai » thật là trái nghĩa. Đã biết là phôi-thai, sao lại còn chê là vụng về. Nhầm mà ai cũng biết, từ như trang 162-163 có câu: « Nhi độ-Mai cũng thuật lại một truyện đã xảy ra về triều nhà Minh bên Trung-quốc ». Mỗ Nhi độ-Mai ra xem, ngay trang đầu có câu « Truyện ngoài xem Nhi độ-Mai, nhà Đường truyền đến là đời Túc-tông (756-762) ». Thế thì Nhi độ-Mai là truyện đời Đường, chứ có phải truyện đời Minh đâu?

Cứ kể ra, nếu so sánh lại từng đoạn một, xem có phải hay không, những câu văn trích dẫn có đúng hay sai, thì bài này còn dài lắm.

vả lại so sánh những câu văn lý, sẽ dễ vào mục đích chính dẫn cổ. Nay chỉ góp thêm một ít tài-liệu, là kê những tên truyện nôm hay tên một bài văn nôm, xuất hiện ở trong hai thế kỷ 18 và 19. Lần lượt trên d'ról thì cứ theo *Đại-nam liệt truyện*, là một quyển sách chắc chắn, vì cả tòa Sở quán kê cứu và biên tập. Những truyện dịch dưới này, phần nhiều chưa ai dịch ra quốc-ngữ, có đoạn hơi dài, nhưng tưởng cũng giúp ích cho sự học, nên tôi dịch cả.

Trong thế-kỷ 18 có chuyện *Huế đình* (Hoa-đình) của Hoàng-tử Tử tức Đán (1699-1753). Hoàng-tử là con thứ tám chúa Hiền-tông (Nguyễn phúc-Chủ) mẹ họ Tông. Năm 1715 được bổ chức Nội-hữu cai-dội, ông là người béo tốt có độ lượng, họ rộng xem nhiều, sở trường thơ quốc-âm, khi chúa Thế-tông (Nguyễn Phúc Khoát) nối ngôi, ông vì có tài bị chúng ghen ghét, bèn nghỉ việc, chúa Nguyễn sai làm tư-dệ (nhà riêng) ở Hương-điền (thuộc huyện Hương-trà), ông không dự chính-sự, thường dạo chơi sơn thủy, lấy câu thơ chén rượu làm vui, ông có soạn quyển chuyện nôm, là *Huế đình*, lời văn hay lắm, đời còn truyền tụng, đến năm thứ 14 hiệu Cảnh-hung nhà Lê (1753) ông mất, thọ 55 tuổi, truy tặng Tể-thư Luân-quốc-công (*Đại-nam liệt-truyện*, tiền biên, q. 2, tờ 16 b 17 a).

Truyện *Song-tinh bất dạ* của Nguyễn-hữu-Hào. Hào là con trưởng Nguyễn-hữu-Dật (1604-1699), từ nhỏ đã theo cha đi đánh dẹp, tập biết việc quân, người có dũng lược. Đầu đời chúa Anh-tông (1687-1690) Hào làm Cựu-



định cai-cơ. Năm kỷ-tỵ (1689) Phó-tướng là Mai vạn Long đánh Chân-lạp, vì thua bị bắt, chúa Nguyễn đang chọn chức tướng-soái, thì có chương cơ là Hoàng-Khi tiến Hữu-Hào, chúa cho làm thống-suất đề đi đánh Chân-lạp, sau vì dùng dằng hống việc, bị truất. Đến chúa Hiền-tông (Nguyễn-phúc-Chủ) lại khai phục làm cai cơ, coi cơ Hữu-sứ, dần dần tăng Chuông-cơ. Đến năm Giáp-thần (1704) ra làm trấn-thủ Quảng-bình, khi Hữu-Hào đến trấn, yêu thương sĩ tốt, vỗ về trăm họ, quan lại nhân-dân thân yêu kính-mến, gặp bấy giờ trong cõi bình yên, ông lưu tâm đến văn nghệ, thường làm truyện nôm, gọi là *Song-tinh bất dạ*, người còn truyền tụng. Đến mùa thu năm Quý-tý (1713) mất, truy tặng Đôn-hậu công-thần (Lược theo *Đại-nam liệt-truyện*, tiền biên, q. 3 tờ 41 b đến 43 a).

Truyện *Sãi vãi* của Nguyễn-Trình (1716 - 1767) Nguyễn-Trình là con út Nguyễn-dăng-Trình (tiên-tổ là người huyện Thiên-lộ, Nghệ-an, nguyên họ Trình, ông tổ xa là Trình-Cam là người nhà Lê đến Bình bộ Thượng-thư, khi họ Mạc cướp ngôi nhà Lê, Trình Cam lánh vào Thuận-hóa, định chiêu tập những người trung-nghĩa để khôi phục, chưa thành công đã

mất, con cháu vào làng ở xã An-hòa, huyện Hương-trà, đời nào cũng có người đỗ, đến Đặng-Trình là bảy đời, thì đỗ sinh-dề, bắt đầu bỏ huấn-đạo, sau thăng tri-huyện Minh-linh có tiếng là giỏi chính-sự, được thăng vào việc vầu-chức, tấu dõ rõ ràng, nghị luận rộng suôi, chúa Hiền-tông yêu mến, cho họ là họ Nguyễn). Đến Cừ-Trình thông minh hơn người, mới một tuổi, đã giỏi văn, hay thơ, cùng anh họ là Nguyễn-dăng-Trình nối tiếng văn-chương, đỗ hương-cống khoa Canh-thần (1740) làm tri-phủ Triệu-phong, dần dần thăng văn chức, gặp việc đảm nôi có phong-dộ là người tránh-thần (bày tội oan ngấu) Mùa hạ năm Giáp-tý (1744) chúa Thế-tông (Nguyễn-phúc-Khoát) lên ngôi Vương, những luật lệ đời Đặng-Trình đặt ra, mà văn-từ thì do tay Cừ-Trình thảo. Trình là người khăng-khải, có mưu lược, ý ệc làm thường hợp thời-cơ. Mùa xuân năm Canh-ngọ (1750), thăng làm tuần phủ Quảng-nghĩa, ở Quảng-nghĩa có một Thạch-bích, thường hay quấy nhiễu quan quân đánh mãi không được, Cừ-Trình đến, tìm thư phủ dụ, nó cũng không ra, bèn mưu tiến đánh, nhiều người cho là hiểm xa, khi đó, đồ cản trở việc tiến quân. Cừ-Trình làm truận *Sãi vãi* (tổng Trung Nam kỷ là *Sãi, vãi*, cũng như tiếng Bá-kỷ Sư táng và Sư-ny) bằng chữ nôm, đặt ra lời văn đáp đờ tỏ ý can bảo. Rồi tiến quân, gặp mọi trốn chạy tan hết, Cừ-Trình sợ đe dọa quan về, thì quân gặt lại tự uộc, bỏ ở. tận ở, lập ra đồn trại, đặt đồn-dền, nghiêm việc

(Xem tiếp trang 18)

Ông Nghè triều Lê

(Tiếp theo trang 5)

Chắc độc-giả còn nhớ Văn mới diễn bài Ông Nghè vào số 22-23, — « mượn » bài Ông Nghè vào số 34-35 để mà đến với số 34-35 lại có câu hỏi bài Ông Nghè « phỏng có ích gì? »

Nhưng đã biết ai-quá là được rồi. Chỉ còn cái tại nói vu-vơ, nên chưa Văn mới hỏi « sao không biết khảo những vấn đề... chính trị... », lại « đi tìm... ở trước của nước ông Nghè? ». Ai đọc hai câu ấy, cũng hiểu ngay là Văn mới chưa biết cách làm sử. Thật rồi. Trước khi « khảo » những vấn đề chính-trị, cần phải « đi tìm chữ nghĩa » của những người cầm quyền chính-trị. Mà người cầm quyền chính-trị ở nước ta ngày xưa là ai? Chẳng phải số đông là ông Nghè ư?

Kỷ trước (Trí tân, số 149) tôi đã nói qua đến việc khảo-ứ sử: Muốn cho chắc-chắn, cần phải phân-tích, rồi mới tổng-hợp. Như việc ấy, tôi có bảo Văn mới hỏi ông Lương đức Tiếp lấy tài-hiệu ở đâu mà làm quyền Xã hội Việt Nam. Chẳng phải một phần ở bài Ông Nghè ư? Thế thì phải kết quả bài của Văn mới mà ra, sao trên kia là câu đặt ra để lấp cái lỗ... đánh trống... .., nhưng vì Văn mới không được thẳng-thắn, nên không biết trả lời hai câu ấy đã trái nhau, mà cũng không biết thế là lộ cái bản năng của mình ra!

Văn mới lại nói sao tôi không soạn ra những tác phẩm khả dĩ xứng với lòng mong đợi của thanh niên... mà lại chỉ cặm cụi đi biên

biên chép chép những cái-vụn vặt (?) thuộc về tăng cá nhân các ông Nghè triều Lê? Có chắc là « vụn vặt » không? Truyện vua Lê Tương Dực với Mạc Đăng Dung chép vào sự tích mấy ông Nghè, đăng trên bài trả lời Văn mới kỳ trước (Trí tân, số 149, tr. 12-13) cũng là truyện vụn vặt à?

« Tác phẩm khả dĩ xứng với lòng mong đợi của thanh niên » chính là bài Ông Nghè mà bài ấy chính là thanh-niên bảo tôi viết ra, dưới đây tôi sẽ nói rõ. Hiện giờ nhiều bạn thanh-niên đều đến thư-viện Bảo cổ mượn thêm tài-liệu, để soạn sách về những vấn đề thuộc về ông Nghè, như vấn đề Quan-chức triều Lê, — Lối văn bia đời Hậu Lê, — Luân-lý Khổng Mạnh đối với những ông Nghè triều Lê, — Những quan văn quan võ tiếng của nhà Lê, — Lịch-sử địa-dư nước Đại-Việt về hồi đầu Lê, trong thế-kỷ thứ 15-16, — v.v., toàn là sách dùng lối tổng hợp làm theo bài Ông Nghè triều Lê. Có bạn bắt đầu khảo về khoa cử như Khoa minh kinh đời Lê, khoa thu-loán, v.v. Dù soạn được hay không, dù sau này vì lẽ gì không in được, cũng nên chú ý đến những đầu đề ấy, vì có quan-hệ đến một diện sử nước ta, xem thế thì bài Ông Nghè không phải là không có ảnh hưởng.

Văn mới lại muốn nói thêm tôi ba điều nữa. Điều thứ nhất là « Đa số thanh niên (?) muốn trông cậy vào sự hướng dẫn của « tổ hệ đàn anh » để hiểu rõ cuộc sinh hoạt dĩ vãng của dân tộc có quyền (?) đòi hỏi ở một người như cụ những công trình nghiên cứu

có bề thế nghiêm trang hơn (?) cái công trình sao lục gia phải các ông Nghè triều Lê không? »

Câu này cũng mâu-thuẫn như câu trên. Đã « muốn trông cậy vào sự hướng dẫn », sao lại « đòi quyền đòi hỏi »? Nhưng không hề cần đó chỉ là giọng Văn mới, chữ thanh-niên - viết trí-thức hằng ngày giao-luận với tôi về việc khảo cứu hoặc việc cá-tội-học, không bao giờ ăn nói như thế.

Trên kia tôi có nhắc lại rằng chính những bạn thanh-niên bảo tôi chép sự-tích Ông Nghè triều Lê; trong bài tựa đăng ở Trí tân số 25 ngày 23 tháng 11 năm 1941, trang 3, tôi có viết một câu rằng: Ngày 30 tháng 10 năm 1941, các bạn thanh-niên có thành Hội Truyền-bá quốc-ngữ (ở Hà-nội có hơn vạn người), nhân nghe tôi nói chuyện ở Hội Trí-tri về nền học cũ của nước ta, có « bảo tôi nên đem bia Văn-miếu ra khảo-cứu đề bổ-khuyết một đoạn lịch-sử nước nhà. » Văn mới không đọc kỹ mà dám bịa ra « đa số thanh niên... đòi hỏi... những công trình thế này thế kia! Chính thanh-niên đòi bài Ông Nghè, cho nên khi thấy Văn mới bịa ra như thế, nhiều người lấy làm giận lắm, có viết thư cho tôi, phần nhiều là những người tôi chưa gặp bao giờ, như ông Đặng Bá Lành (ở Đồ sơn, rue du Maroc) viết cho tôi một bức thư như sau đây (tôi xin lỗi ông Lành đã tự-nghen trích ra đây, mà chưa kịp phúc-dáp): «... Cách đây 20 năm, khi tôi có... là cậu học-trò 17 tuổi lúc mới bước chân lên đất ngiên nam vụn-vật, cảm tình biết bao cao - chưa mong - mang, tri thức-sở-nhưng bàng-khuông, thao-

nhớ khi bước chân vào Văn miếu trông thấy những tấm bia làm gỗ phong-sương, trải bao nhiêu triều đại, là những dấu-tích bất hủ của Văn-hóa Việt-Nam đã gần năm thế-kỷ. Đồng đứng tôi thấy hiện lên những bậc vua thánh, tôi hiền, những cuộc loạn-ly hưng-phế; rồi cứ ngày ngày tôi đi dò, đọc từng bia, tra từng tên ông nghệ, xem kỹ-luống từng niên hiệu, bắt đầu từ bia Hồng-dức cho đến bia cuối cùng đời Cảnh-hung. Vì chữ kém, lại bia mòn, nên tôi ao ước giá có một ngày kia ai sẽ dịch rõ ràng, đăng báo hay ra sách thì hay quá. May sao, năm 1941 báo *Tri tân* ra đời, đăng bài *Những ông Nghệ triều Lê của cụ Cái* mồng 20 năm của tôi đã thực-hiện; tôi không biết lấy chi làm cho cái mừng ấy. Thế mà có kẻ dám bảo cụ làm việc vô ích thì họ bày thật, âm-hồn họ ra sao...

Ngoài bài *Ông Nghệ*, kỳ nào *Tri tân* cũng đăng một bài *Đại-Nam đất-sự*, một bài *Đỉnh-chính*, văn cổ và một bài phê-bình; bài nào cũng được dịch-giải hoan-nghênh và viết giấy tường-lộ. Duy Văn mới theo ý riêng, mạo tên « đa số thanh niên » cho việc « sao lục gia-phả các ông Nghệ » là không được « nghiêm-trang »! Đã là thưng-nên tri-thức, thì ai cũng hiểu cái giá-trị những quyển gia-phả cũ, ai cũng biết gia-phả là một thứ sử-lieu rất quý; có quyền chép được những việc mà quốc-sử không chép đến. Cách đây 15 năm, nước có một quyển gia-phả, người ta biết được tên ông Ôn-như hầu soạn ra quyển *Cung oán* là ông Nguyễn-gia-Trị. Tôi cũng nghĩ rằng không được cái may-mắn, sao gia-phả của các ông Nghệ; giá sao được,

thì cũng có khi tìm ra nhiều điều mới cho văn-học sử-học. Từ trước đến giờ, tôi chỉ dịch bia Văn-miếu, sách *Đặng-khoa* và bộ *Khâm-định Việt-sử*, chỗ nào cũng dấu rõ-ràng: thế mà Văn mới lại bảo tôi « sao lục gia-phả » có phải là bia không?

Văn mới hỏi tôi « có thể làm được những công trình nghiên cứu tổng hợp về từng phương diện sinh hoạt của xã hội Việt nam xưa đề xứng với lòng tin cậy của thanh niên... không? » Câu này cũng sai như câu trên. Đã « tri tân » thì chỉ « đa số », chứ không « tổng hợp ». Nhưng tôi cũng có viết mấy bài tổng-hợp bằng chữ Pháp cho tập kỷ-yếu Hội nhân-chúng (*Bulletin de l'Institut indochinois pour l'étude de l'Homme*), như bài *A propos de chants et de jeux d'enfants annamites* — *La région de D'êr-côn d'a près les documents chinois et annamites*, — *Noms de lieux cham-annamites*, — *Les tombes beaux dans le delta du Tonkin*, — *Une version annamite du conte de l'homme qui comprend le langage des animaux*, in năm 1943.

Văn mới nói « mong rằng » tôi « trả lời thẳng (?) những câu hỏi đó », nên tôi không biết ra đây, và nói rõ cái âm-muội của Văn mới. Văn biết như thế là làm phí giấy *Tri tân*, nhưng thói-tục câu phải vạch cái lỗi phỉ báng của Văn mới để cho những kẻ thanh làm làm bày chữa đi.

Văn mới còn hỏi tôi một câu nữa, là câu « nghiên cứu sử học là để giúp đa số thanh niên nhiệt tâm muốn tìm hiểu dĩ-vãng và lịch-trình tiến hóa của dân tộc », hay chỉ để thỏa mãn sự tò mò của mụn (?) của một miếu số độc giả thuộc vào loại tri thức quý tộc? »

Hỏi như thế càng rõ cái thiên-hiên ra vì rằng « muốn tìm hiểu dĩ-vãng và lịch-trình tiến hóa », thì còn gì hơn xem xét việc học đời trước và sự-nghiệp những người thành tài, để tôn sùng các bậc vĩ-nhân đã làm vẻ-vang cho đất nước. Xã hội Lê, ni từng bậc vĩ nhân ấy phần nhiều là những bậc đã « rõ gương khoa giáp, rõ nếp tướng khanh », hiện giờ còn nhiều làng thờ làm phủ-thần.

Văn mới lại gọi độc-giả bài *Ông Nghệ* là « loại (!) tri thức quý tộc »! Thế là Văn mới không biết: đã là người chân chính, thì không hao giờ chú ý đến hạng độc-giả nào. Học hay đọc báo thì không hao giờ đưa ra quý-tộc với bình-dân. Sự học cần phải cho rộng, đọc bài *Ông Nghệ*, cũng là học, mà học được một bài có ích, vì biết được cái gương thành bại, hiểu được cái lẽ sinh-đồn vĩnh-viễn của nước Đại-Việt.

Còn một điều nữa: trước kia Văn mới bịa ra « các độc giả hỏi », Tôi có hỏi. Thì Văn mới đòi ra « đa số thanh niên », nhưng vẫn bịa, vì biết thế nào được « đa số »? Phải có một viện điều-tra như viện Gallup ở bên Mỹ hay ở ra-ưng phải đến hỏi những hội học, như Hội Tri-tri, Bộ Truyền-bá quốc-giã.

Chẳng qua Văn mới (Hàn Thuyên) bịa ra hết, mà lại làm xấu cả chữ « phương-pháp khoa-học » là chữ của Văn mới thường nói. Nếu Văn mới không tin tưởng, thì tôi xin có dịp phê-bình những mớ ngớ ngẩn nữa.

(Còn nữa)

Ông-học M. DUYỆ V-VÀ-VÔ

TRƯƠNG-HÁN-SIÊU

(?-1354)

NHẬT-NHÂN

TRONG số cá danh-thầy nhà Trần, Trương-Hán-Siêu là một văn-thân thông minh cương trực, có tài kinh tế, đã từng đề lại một sự-nghiệp văn-phương rất vẻ vang, còn truyền tụng tới ngày nay.

Trương-Hán-Siêu, tự Tuân-phủ hiệu Độn-lâu người xã Phúc-thành, (nay là Phúc-an), huyện Yên-minh (nay là Yên-khánh) thuộc tỉnh Ninh-bình, trước làm môn-khả h phủ Hưng-Dạo-vương Trần-quốc-Tuân, được Đại-vương lên-cử lên vua Trần-Anh-Tôn (1293-1314).

Năm Hưng-long thứ 16 (1308), vua Trần-Anh-Tôn thăng ông chức Hàn-lâm-học-sĩ.

Niên-hiệu Khai-thái (1324-1329) năm đầu, vua Trần-Minh-Tôn (1314-1329) phong cho ông chức hành-khống.

Năm thứ 11 niên-hiệu Khai-hưng đời Trần-Hiếu-Tôn (1329-1341), ông sang chức môn-hạ Hữu-tự-lang-trung.

Đời Trần-Giữ-Tôn (1341-1369), ông cùng Nguyễn-Tráng-Ngạn biên-dịnh Quốc-triều-dại-diễn và khảo-soạn Huấn-Thư.

Năm Thiệu-phong thứ hai (1342) ông được thăng Tả-tư-lang-trung kiêm Lạng-Sơn kinh-lược-sứ. Năm thứ 5 (1345), được cất lên chức Tả-gián-ngự-dại-phu, và đến năm thứ 11 (1351) thăng tham-tri nội-h-sự.

Từ ngày vua Chiêm-thành là Chế-A-nan tuấn-hà, con là Chế-Mộ và rồi là Bồ-Đồ tranh nhau ngôi-bầu, Chế-Mộ bị dân-chúng rời bỏ ủng-hộ Bồ-Đồ, phải chạy sang cầu cứu vua Trần-Giữ-Tôn vào nam Nhâm-Thân (1352).

Năm sau Quý-Tị (1353), vua nhà Trần cho quân đưa Chế-Mộ về nước, nhưng tới Cồ-luy (Quảng-ngũ) gặp quân Chiêm-Thành, hai bên giao chiến, kết-cục quan-quân ta bị đánh thua phải chạy trở-về.

Chế-Mộ buồn quá, rồi cũng mất.

Từ đây quân Chiêm-Thành luôn luôn sang quấy nhiễu.

Được thắng lợi nhiều lần, vua Chiêm-thành có ý nhân lúc binh-thế nước Nam suy nhược, sai sứ sang đòi đất Hóa-châu. (Vua Chiêm trước là Chế-Mân lấy Huyền Trân Công-chúa (con vua Trần-Anh-Tôn) dâng hai châu Thuận, Hóa làm lễ cưới).

Lại một pheo quân Chiêm-thành sang quấy rối đất Hóa-châu. Quan quân ta chống lại không nổi, luôn luôn thất-lợi.

Vua Trần-Giữ-Tôn phải sai Trương-Hán-Siêu lĩnh quân thân-sách vào trấn Hóa-châu để đối-phó với tinh-thế, tìm phương giải-cứ cho sinh-linh vùng Hóa-châu.

Hán-Siêu lĩnh mệnh lên đường. Gánh cái trọng-trách Tiểu-phủ-sứ, ông đem hết mưu-lược đề-quét sạch ngoại-khẩu khiến nơi

biên-cương lại được thấy cuộn thẳng-bình. Nhưng trong khi ở ngoài, ông thường uất uất, không được thỏa chí, nên có thơ rằng:

玉京回首五雲深
Ngọc kinh hồi thủ ngũ vân thâm

零落殘魂苦不禁
Linh lạc tàn hồn khổ bất cầm
已辨荒郊埋病骨
Đi biện hoang giao mai bệnh cốt

海天草木共愁吟
Hải thiên thảo mộc cộng sầu ngâm

Dịch:

Ngảnh lại năm mây phủ đê-đó,
Hồn tàn bao xiết khổ bơ-vớ!
Thôi đành coi rậm vùi xương
bệnh,
Cây cỏ chung sầu cũng họa thơ!

(Bản dịch của nhà Bàng)

Năm Thiệu-phong thứ 14 (1354), lấy cớ đau ốm, ông dâng biểu xin về. Vua y cho. Ông lên đường, chưa tới kinh-sơ đã mất, được tặng chức Thái-phó.

Trương-Hán-Siêu là một người cốt ngành, văn-chương, chính-sự kiêm ưu, được vua tin dùng, thường gọi là «Thầy» chứ không xưng đến tên.

Ông hay bài xích những thói dè đoan, thường soạn văn bia chùa

Quan-nghiêm tỉnh Bắc-giang, đại lược như sau này :

«...Tự phế nhi hưng, kỳ phi ngộ ý ; bi lập nhi khắc, hà sự ngô ngôn ? Phương kim thánh triều dục xưng hoàng phong dĩ chỉnh đời tục, dĩ đoan tại khả truat, vương đạo đương phục hưng. Vi sĩ đại phu giả, phải Nghiêu Thuấn chỉ đạo bất trần tiền, phi Khổng Mạnh chỉ đạo bất trước thuật, cổ nãi câu câu dữ Phật thị nhiếp như, ngộ tương thù khi !...»

Dịch :

Dựng chùa chẳng có ý gì,
Khắc bia cũng chẳng việc chi
đến mình ?
Thánh triều đương bồi dưỡng
minh,
Dĩ đoan chớ để dân-tà mê
say.
Đạo Nghiêu, Thuấn phải bày
cho rõ,
Học Lễ, Châu dưỡng tỏ không
mờ.

Số gì đạo Phật hư vô,
Đối ai ai đó dễ hễ đối ai ?

Trương-Hán-Siêu sinh giữa thời Phật-giáo toàn thịnh, trên từ vua quan, dưới đến dân đều tôn sùng đạo Phật, mà riêng ông cho Phật-giáo là hư vô, là tịch diệt. Xem bài văn bia ở trên thì biết ông chỉ lấy nghệ-tư Nghiêu, Thuấn, Khổng, Mạnh làm trọng, còn coi Phật-giáo là một đạo dành riêng cho hạng người yếu thế.

Nhưng dù ông có hết sức bài Phật, mà về sau ông cũng quy y hồi hướng, trở nên một nhà Phật-học tinh-thông.

Hiên-hiệu Thiệu-phong (1311-1357), đương khi còn tại triều, ông có đề bài ký Linh-tế tháp trên

núi Dục-thủy tỉnh An-chi-biêu. Bài ký Linh-tế tháp là một áng văn kiệt tác lưu truyền đến ngày nay. Văn đã hay, chữ lại tốt, khắc trên vách đá, nét còn tươi rói.

Dưới đây xin trích một bài ký Linh-tế tháp :

Quê tôi nhiều cảnh đẹp. Thuở nhỏ đi chơi xem, vết chân đã gần khắp mọi nơi. Tường bỏ quên trên lên núi này Xoa Lôn đa bia, gạt rêu xem thì biết rằng : Đá là cái tháp cũ dựng từ nhà Lý. Leo sườn đá, trèo lên đến núi thì thấy mấy viên gạch vỡ, cái rồi đổ, lan-lóc trong bụi rậm đá hoang. Tự lấy làm buồn thay mà thở. Jai, than cái cuộc hưng vong thành bại, mới được hai trăm mấy mươi năm mà đã thành dấu cũ. Hay là từ đây giờ đi một sự quên mất, hay là sau này có ai sửa lại hay không ? Từ đó Trời đất đã ở núi này. Biết bao nhiêu người cùng trèo lên đây, cùng trông cảnh này mà cùng mất cả !

Tôi rồi sau đi ở ở từ phật gia, làm quan trong triều cũng có ngôi vị cao, hễ ở trong, đến nơi ăn cũ cũng thường một bữa ăn, Hoàng-thượng ta lên ngôi được hai năm, bấy giờ về mùa đông, tôi ở kinh thành, ông sư ở chùa núi ấy tên là Trí-Như đến chơi nhà tôi bảo tôi rằng : « Bảo tháp xây lại đã từ năm Khai-hựu định-sử, được sáu năm tròn rồi, nay công đã xong, xin ông làm cho bài ký Công đức nào bằng, báo ứng với bao !... » Tôi nói : « Đạo Thích Già, Lão-tử lấy cái hư-không làm chủ, cớ hoặc chúng sinh. Tôi đâu chia làm năm phần thì bọn sư-lăng chiếm đến một phần, phá hại di-

lân, hư phi của các Tông những bọn ngu dốt, hơn hơn mà theo, ít kẻ không phải là phật-giáo mà gian-tà. Nhưng việc chúng làm sao rồi ? Suy nhiên, sư là học trò Phật-Tuệ, Học được pháp tùy môn Trúc-lâm. Buộc thân khổ hạnh là phạm đạo tam-cương. Nhưng đương tây không mà thành công lớn, mở chân mây xếp lừng lững, từ một tức đến một hơi, từ một bước đến mười bước, một bước lại bốn một bước, một lạng lại thêm một lạng cho đến chót vót cao thì tựa trời xanh, thêm cả thặng ở nơi sông núi, cũng thật đáng kinh cùng tạo vật ! Những bọn sư dòng dài lưỡi bống, lá đá gồ gề ra ? Than ôi sau này vài ba trăm năm, trông lên tròn, nhìn xuống dưới, thấy biến đổi cả, tất lại có người ở dài như tôi. Há lại không có ai như bọn sư Nâu ru ? Cũng như tôi có Bảy giờ chỉ bát có núi x non nước trong, sông không bồi đắp. Bỗng chốc đi thuyền trung-thạng ở dưới, mở cửa bỗng ngắm cảnh, đánh đập thuyền như há khúc Thương-lãng, nhớ đến tích của Từ Lang, Đạo-Chu đời xưa. Cảnh này lòng này, duy có ta với núi sông này biết mà thôi.

(Còn nữa)

NHẬT-NHAM



Nhân một cái quảng cáo...

Hội « Alexandre de Rhodes » sẽ đưa bản « Lục vân Tiên » nào ?

LU-KHÊ

L. F. S. — Bài này của ông bạn Lu-Khê, một cây bút có tiếng ở trong Nam, tuy viết từ khi Hội A. D. R. chưa ra cuốn Lục vân Tiên tập I nên chưa rõ những thủ-tục làm việc phiên-dịch của người dịch L. V. F. song lá giả viết rất có ý phụ và có nhiều tài-liệu rất quý. Vậy xin lục đấng đề rộng đường khảo-cứu.

Một vài tờ báo, vừa rồi, có đăng một cái quảng-cáo của hội xuất bản « Alexandre de Rhodes ». Cứ theo quảng-cáo này, thì hội « Alexandre de Rhodes » sắp phát hành quyển « Lục vân Tiên » của cụ Nguyễn-dinh-Chiêu, có bản dịch ra pháp-văn của ông giáo Dương-quảng-Hải.

Tôi chưa được thấy nên chưa được biết hội « Alexandre de Rhodes » dựa theo bản « Lục vân Tiên » nào, vì từ trước tới giờ quyển « Lục vân Tiên » đã in ra mấy mươi lần, mà thử hỏi, có mấy bản đáng cho ta tin cậy ?

Bản của hội « Alexandre de Rhodes » sẽ là bản in ra sau hết. Tôi tưởng công việc của hội — một hội xuất bản có nhiều tư cách hơn cả — là phải cần-thận làm sao cho đúng sai nguyên-văn cụ Nguyễn-dinh-Chiêu.

Vậy, muốn cho đúng với nguyên-văn, hội sẽ nên dựa ở bản nào ?

Dưới đây là một vài ý-kiến thề nên đề gộp vào công việc sưu-tầm của các ông trong hội « Alexandre de Rhodes ».

Sau khi so sánh cả bản « Lục vân Tiên » từ trước tới giờ, bản nôm, bản quốc-ngữ, in ở Bắc, in ở Nam, một điều tôi đã nhận

thấy : Các bản ở Bắc đối với các bản trong Nam mười phần đã sai hết chín.

Tôi có thử lấy bản « Quảng-thịnh » coi chữa theo bản « Trương - Vĩnh - Ký ». Chỉ có một trang đầu, hai mươi câu, đã đến 22 chữ sai chạy ; trang thứ nhì, hai mươi sáu câu, 91 chữ sai chạy. Bản « Nghiêm Liên » (cụ Nguyễn-văn-Tổ đề tựa) gần với bản « Quảng-Thịnh ». Ta có thể tin cái bản này và mấy bản khác ở Hà-nội : Tư-văn-Đường, Kim-khuê, Long-quang... và ở Hải-phòng : Nguyễn-ngọc-Xuân... đều do một bản mà ra.

Xét về phương-diện văn-chương, các bản ở Bắc có phần lưu-loát, dễ-má hơn nhiều. Lại có nhiều từ-âm mà người Nam-bý không hề biết. Dựa lý đó, ta có thể tin các bản này đã có người sửa lại rất nhiều.

Cho nên, nếu muốn căn xuất-bản một quyển « Lục - vân - Tiên » đúng với nguyên-văn, ta không thể dựa bất cứ một bản nào in ở Bắc. Bởi, ta không phải cần cho văn chương hoa-mỹ hơn, mà chỉ cần cho đúng với chính-văn của tiên-bổ.

Các bản trong Nam, về bản nôm, đáng chú-ý nhất là bản

« Quảng-thịnh-Nam » ở Chợ-lớn, đảm-bảo bởi sự trông nom của Tôn-thọ-Tường. Nhưng ta nên đề-dặt. Bởi, cái tài của Tôn-thọ-Tường không đủ cho ta tin cậy chắc đúng với nguyên-văn.

Vì thế là :

Một là, Tôn-thọ-Tường một nhà nho. Công việc sao-lục có đủ lương-tâm như người Tây-phương, là trọng nguyên-sản của tiên-nhân, dầu hay, dầu dở cũng giữ nguyên hình. Các nhà nho ta, nói thật không sợ miếng lòng, hay cậy ở tài mình, cho nên chưa đủ đức làm được. Ai dám tin, trong khi sao-lục, Tôn-thọ-Tường không chữa lại nhiều chỗ, như người ta đã làm trong các bản ở Bắc.

Hai là, lúc ông Miché Ponchon chính tham biện Kiến-tre, đến viếng cụ Nguyễn - dinh - Chiêu, nhờ tiên sinh nhuận-sắc bản « Lục-vân-Tiên », ông có trao cho tiên sinh một bản « Quảng-thịnh-Nam ». Tiên-sinh có bảo biếu Đồng-độc cho tiên-sinh chữa lại, rồi in ra sau mới trao lại cho ông Ponchon. Như thế, dù biết bản « Quảng - thịnh - Nam » không chắc đúng với nguyên-bản cụ Nguyễn-dinh-Chiêu.

Các bản quốc-ngữ, xưa nhất có bản của Aubaret (1864) ; Kế đến bản của Janneau, thì nam-

sau bản trước (1873) ; bản Abel des Michels (1883), mười năm sau bản Janneau.

Không nói đến bản Abel des Michels, vì ông này chỉ dựa ở bản Janneau. Đáng kể là bản Aubaret và Janneau.

Bản Aubaret có in cả bản chữ nôm một bên. Tuy nhiên, ta khó tin đúng được. (1) Vì lẽ này : Bản Aubaret in tại bên Pháp, thấy đề năm 1864 là năm sách ra. Vậy việc sao-lục của ông Aubaret tự nhiên phải trước năm ấy, mới được. Ta có thể phỏng đoán, công việc của ông Aubaret đổ vào năm 1860-1861. Chính thời-kỳ này cụ Nguyễn-dinh-Chiều gần được 40 tuổi, và cũng là thời-kỳ Sài-gòn bị bị binh Pháp đánh phá. Cho nên, lúc đó tiên-sinh không còn ở Gia-định nữa. Ông Aubaret đâu có được bản « Lục-văn-Tiên », có lẽ ông cũng chỉ hỏi thăm ở những người có bản chép tay, chứ quyết không phải ông được trực-tiếp với cụ Nguyễn-dinh-Chiều, vì khi ấy cho tới lúc tiếp chuyện với ông Michel Ponchon — là cuộc giao-tiếp lần đầu với người Pháp — tiên-sinh không hề đưa ra mặt với một người Pháp nào.

Còn những bản nôm chép tay, người này truyền qua người kia, làm sao biết bả, làm sao ta dám tin ? Bằng có là hiện nay bản nôm sao tây tôi được có trước mặt, chỉ có tựa sách, ba chữ « Lục-văn-Tiên » 陸文仙 mà chữ « Lục » 陸, có ba bản viết khác nhau : Bản tôi viết 陸 cho chữ lục nga trong kinh Thư. Bản thì viết « lục » 六 là sáu; bản lại viết « lục » 陸 lên trên đất, cho nên, ta đừng quả-tin cậy các bản chép tay của các cụ đồ nho.

Đến bản ông Janneau (1) Ông này, năm 1867, có làm Đốc học trường thông ngôn (collège des interprètes) tại Sài-gòn. Theo lời ông Abel des Michels, (2) năm ấy (1867) ông Janneau có xuất bản ở Sài-gòn bản « Lục-văn-Tiên » thứ nhất.

Có lẽ lúc này ông Trương Vĩnh-Kỳ cũng đang làm giáo-sư trường Thông-ngôn.

Công-việc sao-lục, thế nào ông Janneau cũng nhờ đến ông Trương Vĩnh-Kỳ, và trong khi sao-lục, để bị hai ông lại không luận-hiến với nhau về bản của Aubaret, rồi phê-phán, rồi so-sánh, sự chĩa cho được gần với chính-sau cụ Nguyễn-dinh-Chiều.

Rất tiếc, tôi chưa tìm được bản Janneau xuất bản lần thứ nhất tại Sài-gòn. Nhưng theo bản in ở Pháp lần thứ nhì của ông Janneau, đối với bản Aubaret thấy có nhiều chỗ dị-đồng, ta chỉ đủ tin công-việc ông Janneau được hoàn-toàn hơn ông Aubaret.

Nhưng hoàn toàn hơn ông Aubaret chưa hẳn đã chắc đúng với nguyên-văn. Vì lúc bấy giờ Nam kỳ gầy - giữ lửa hung-nhân, mà cụ Nguyễn-dinh-Chiều thì đang trốn-tránh ở miền Ba-tri, có biết gì đến chuyện người ta ăn - ăn đến tác-phẩm của mình.

Vậy, bản nào để tập « Lục-văn-Tiên » với bản chân ?

Sau khi so-sánh kỹ, tôi tin chỉ có bản ông Trương Vĩnh-Kỳ, xuất bản năm 1889 (3), một năm sau khi cụ Nguyễn-dinh-Chiều mất là xứng - đáng và chắc đáng với nguyên-văn hơn cả. Vì những lẽ sau này :

Trước nhất, ông Trương Vĩnh-Kỳ đã được xếp vào hàng danh-nhân của thế-giới. Tên-tên họ học đã thông, mà tây học cũng đến bờ bản, Tiên-sinh cũng làm

bạn với các đại-văn-hào nước Pháp như Littré, Renan chẳng hạn. Tiên-sinh chắc phải biết cả h khảo-spect của văn-sĩ Âu châu.

Lẽ thứ nhì, năm 1867, tiên-sinh cũng làm việc một nơi với ông Janneau. Ông này đã hai lần xuất bản truyện « Lục-văn-Tiên » Chắc thế nào trước khi x:ất-bản, tiên-sinh cũng cần nhắc kỹ-càng, so sánh ba bản đã in trước, hai bản của Janneau và một bản của Abel des Michels. Bằng có là bản Abel des Michels in sau bản Janneau (bản nhì) đến cả mười năm, bản của tiên-sinh năm 1889, mà đọc phần nhiều ta thấy bản tiên-sinh giống với bản Janneau hơn với bản Abel des Michels. Như thế dễ thấy tiên-sinh là một người biết xem xét bản cũ kỹ lắm.

Lẽ thứ ba, năm 1888, tức gần vừa yên, ông Michel Ponchon đến tương-tự cụ Nguyễn-dinh-Chiều Ba-tri, có như tiên-sinh chưa hẳn « Lục-văn-Tiên » như tôi đã nói trên Kuông rồi thì sau ông Ponchon làm gì vì đọc đi đâu bản ấy. N.ing sau cuộc bỏ trốn ấy ông Ponchon có viết mấy bài lý-thuyết (Xem tiếp trang 12).

(1) « Lục-văn-Tiên » poème populaire annamite traduit par G. Aubaret (capitaine de frégate) Consul de France à Bangkok. S. m. Paris-Imprimerie Impériale MDC CCLXIV. in 8. pp. 98. Non nel 1. in tique de série, tome III Paris 1864. « Lục-văn-Tiên » poème populaire annamite, traduit pour la première fois en caractères latins, d'après les textes citracères démoliques, avec de nombreuses notes explicatives, par Janneau. Ouvrage publié par ordre du contre-amiral Dupré Gouverneur et commandant en chef en Cochinchine 2e édition, Paris Challamel aîné, in 8 pp. 103-105 pp.

(2) Theo lời tựa ông Trương Vĩnh-Kỳ trong bản « Lục-văn-Tiên » ba lần của ông, xuất bản ở bên Pháp (1883).

(3) « Lục-văn-Tiên » truyện « poème populaire annamite » trad. et éd. en quốc ngữ, précédés d'un résumé analytique de l'œuvre de chacun, par P. J. B. Trương Vĩnh Kỳ — Saigon Imprimerie Ang. Boek — 1889, in 12 pp. 79 et 1 feuille nup. chiff. 4

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ

Số 63

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TÔ

CXXXV.—Kim Vân Kiều
(bài nối)

Quyển Kiều của ông Nguyễn-văn-Vĩnh in năm 1920 và 1943, phươg-bản của Quan-văn đường, *Kim Vân Kiều chú* (bản sao của Trương Bắc-cổ số A B 233) đều viết « Cùng trông một tiếng tơ đồng, Người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm ». Kinh bản, từ *Đoạn-trường lân-thanh* của cụ Kiều oánh Mậu, *Vương Kim điển tự* (bản sao của Bắc-cổ, số A B 234) chép là « Cùng chung một tiếng tơ đồng », Chữ « trong » và chữ « chung » cùng một nghĩa, nhưng câu này dùng chữ « chung » hay hơn, và không điệp với chữ « trong » ở câu dưới.

— Bản quốc-ngữ 1943 (tr. 457), phươg bản và *Kim Vân Kiều chú* đều viết « giọt châu là hã ki ôn ầu, Cúi đầu, chềnh những gạt thăm giọt sương ». Kinh bản và *Vương Kim điển tự* chép là « Hạt châu là chã khôn cầm, Cúi đầu, chàng những gạt thăm giọt sương ». Chữ « giọt » và chữ « gạt » cùng nghĩa, nhưng theo chữ « gạt » thì hơn, vì dưới đã có chữ « giọt ». Còn như chữ « sương » bị nhầm: chính là chữ « sương » mới phải. Tương là tên núi, do điển vua Thấn đi tuần phương nam, mất ở quận Thương-ngô, hai con gái vua Nghiêu, tức là vợ vua Thuấn đi đến Tương-sơn, khóc đến nỗi gạt nước mắt vảy ra cây trúc, làm cho cây trúc hóa từng đám lang-lỗ, nên gọi là giọt Tương. Văn Tàu thường dùng chữ Tương-phù, là vợ vua khế ở núi Tương

— Hai bản quốc-ngữ, phươg-bản và *Kim Vân Kiều chú* đều viết « Sinh càng thêm thiết bồi-bồi Vội vàng gương nói, gương cười cho qua ». Kinh bản và *Vương Kim điển tự* chép là « Vội vàng nói nói cười cười ho qua ». Tương chữ « gương nói gương cười » phải hơn.

— Các bản đều viết « Lòng riêng tập-lên mình thăm: Vui này đã bỏ đau ngậm xưa nay! » Kinh-bản chép « Đem nay đã bỏ đau ngậm lâu nay! »

— Hai bản quốc-ngữ và phươg-bản viết là: « Sinh thì gan héo ruột đầy, Nỗi lòng càng nghĩ càng cay đắng lòng ». Kinh bản, *Vương Kim điển tự* và *Kim Vân Kiều chú* đều chép « Sinh càng gan léo ruột đầy ».

— Bản quốc-ngữ mới (1943, tr. 462) phươg-bản và *Kim Vân Kiều chú* chép là « Nặng như bắc, nặng như chì, Gỡ ra cho nữa, còn gì là duyên ». Kinh-bản và *Vương Kim điển tự* chép là « Gỡ cho ra nợ, còn gì là duyên ». Câu này chính chữ « nợ » đối với chữ « duyên » mới phải. Bản quốc-ngữ mới viết là chữ « nữa » thì không có nghĩa. Có lẽ đọc chữ nôm không rành, nên mới đọc ra chữ « nữa », vì hai bản nôm (phươg bản và *Kim Vân Kiều chú*) viết chữ « nữ »; theo tiếng nôm đọc là « nữa », là « nợ » cũng được.

— Bản quốc-ngữ cũ (1920, tr. 194) và các bản nôm đều viết

« Sớm khuya hầu hạ dài-dài h, Tầu-thư trông mặt, đề tình hỏi tra ». Kinh bản và quốc ngữ mới (1943 tr. 463) chép là « Tầu thư chạm mặt đề tình hỏi tra ». Từ câu « Sớm khuya hầu hạ dài-dài h » đến câu thứ 14, kinh-bản chép thành 16 câu, khác như sau này:

Sớm khuya hầu hạ dài-dài h,
Nét sầu khôn gương lệ tình còn
hồn.

Tầu-thư trông liếc quở liễn:
« Sa màg nặng mặt, bởi duyên-có
gì? »

Bì-tà giao lại một khi:
« Cặp chàng hỏi nó rằng vì làm
sao? »

Sinh đà ruột xót như bào,
Nói ra chẳng tiện, trông vào chẳng
đang.

Quanh-co của lột bỏ sàng,
Sợ đây thương đó hai đàng chưa
xong.

Dưới thêm trên ghê đều trông,
Một lời chưa mở, hai động đã sa.
Lấy lòng giả cách hỏi tra,
Thần-cung nằng đã thảo qua một lời,
Xem rồi đưa lại tầu thư,
Thoạt trông nhường cũng ngẩn-ngơ
chút tình.

Ông Vĩnh cũng có chưa 16 câu Kinh-bản, nhưng có chữ độ khác với đoạn chép trên này, kỳ sau sẽ nói.

(Còn nữa)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TÔ

Giá, báo	
1 năm	20 \$ 00
6 tháng	11, 00
3 tháng	6, 00
Mỗi số	0, 50

NAM ĐÀN BÁT CHÂU THI HIẢO

Tác-giả TÙNG-VAN đạo-nhân

Vân nguyệt kỳ quan toàn tập bát vịnh

(Thơ soạn)

Lời liêu-dẫn

Tập này tức là tập « Lục-Vân-tiên truyện » vậy. Vân Tiên, Nguyệt-Nga, danh nhân-vật kỳ. Quán ông, Ngự-phủ, Hán-minh, Tử-Trực, Tiểu-dồng, Kim-liên, cũng đều là về kỳ. Đến về phần tác-giả cuốn truyện ấy: truyện thì rất hay, rất có ích, có thú-vị, mà văn-chương thì lại rất giản-dị, chất-phác, lại là một về kỳ. Nay vịnh-giả trước hết xin làm bát đề tập ấy là tập « Vân-nguyệt kỳ quan », rồi xin có thơ vịnh nhân-vật trong truyện sáu bài, và vịnh tác-giả truyện ấy hai bài, gồm tám bài.

Thơ đặt như sau:

Vịnh Lục Vân-tiên

(Bát vịnh, thứ nhất)

Anh-hùng thay, quân-tử thay, người ấy /
Vai đường-đương ta thấy Tử-Long.

Lục kia so với Triệu cùng:

Càng phong-vũ lắm, càng cống-trấn nhiều.

Đầu tang tóc, quỉ trêu, ma ốm ghê;

Mũi Kim-Khôi, gương bạc, ngựa ở ngồi

Ái ai văn vũ gồm lại?

« Trãi thì trung hiếu » làm trai mới là.

Chú-thích

Vân-tiên = Phép đặt tên trong chữ Hán, thí dụ Vân-tiên với Nguyệt-ngà thì chữ Vân với chữ Nguyệt mới là chính tên, mà chữ tiên với chữ nga chỉ là tiếng gọi chung, cũng như chữ Khanh với chữ nương, v. v. .

Tử-Long = nhà Hậu-Hán có vị tướng quan họ Triệu, tên Văn, tự Tử-Long.

Vịnh Kiều Nguyệt-ngà

(Bát vịnh, thứ hai)

Kim-phượng Ngọc-long, dài xuân ai chực
khóa?

Cảnh Giang-nam xuân cả đó mà!

Hang sâu với cảnh quế hoa,

Nhấn-gian vô-ý, tiên nga hữu tình.

Hương lửa ba sinh duy bức hương,

Phong trần nửa mặt một bài thơ.

Tả n hương thiên-rở lơ-lơ,

« Gái thì tiết hạnh » hay xưa khác nào.

Chú thích

Kim phượng ngọc long = tên hai cái kiêu ở Đồng ti ở dài. Nguyên đất Giang nam nhà họ Kiều có hai con gái, người đẹp và hay chữ, Tào Tháo muốn bắt về đem khóa ở dài Đồng-ti, song kẻ ấy không thành. Sự ấy chép trong ở Tam quốc-chí. Nay dùng tích ấy, một là đề tả về danh-giá còn gái họ Kiều trong truyện, hai là đề ám-chỉ về một vị thái-sư trong truyện: hành-vi cũng giống như Tào-tháo.

Hang sâu = thơ Thiệu-Tử: « Thiên căn nguyệt quật nhân lai vũng, tam thập lục cung đó thị xuân ». « Quật » nghĩa là hang.

Hang sâu với cảnh quế hoa = quế hoa tức là nguyệt. Ý nói về Vân-tiên đã từng cứu Nguyệt nga thoát khỏi địa ngục Lâu-la.

Vịnh Vương tử Trực

(Bát vịnh, thứ ba)

Đầu bảng hồ, họ Vương tên Tử-Trực,

Vt cỡ sao chính sắc trách Vũ-công?

Mãnh loan khoe bộ cánh lông,

Xóa nhòa cựu nghĩa, gạn-gắng tấn-lanq.

Đạo quân tử, lúc tang-sương chi kè lúc;

Lòng khoa-danh, câu kim-ngọc đề yhi cầu:

« Vợ Trãi là Trãi thì đầu,

« Chết đầu em bạn Hạm đầu lỗi nghi ».

Chú thích

Đầu bảng hồ = tức đồ thủ-khoa; bảng cử-nhân, đang sau vẽ con hổ, người ta gọi là hồ bảng.

Mãnh loan ± ám-chỉ về cha con nàng Vũ Tái-Long,

TÙNG-VAN

BA NGƯỜI THỢ CÁN MẢN

Số 4

LÊ-THANH

Cũng nhờ có cái giọng đặc an-nam và sự dẫn dắt lưu loát của văn chương mà những tiểu-thuyết của tiên-sinh dịch được người ta đọc một cách ham-mê chẳng khác gì những tiểu-thuyết sáng tác có giá trị *Mai nương lệ cốt*, *Ba người ngư lâm pháo thủ*, *Tề lệ mục phiêu-lưu ký* v.v... là những công trình vĩ đại được nhập tít-bản vào văn chương ta chứ không còn là những sách dị hắc có một công dụng nhất thời như người dịch nó đã tưởng nữa.

Có nhiều nhà phê-bình ngày nay trách rằng văn dịch của tiên-sinh đọc có lưu loát nhưng nhiều khi không đúng nguyên văn chữ pháp. « Dịch như vậy là dèi chứ không phải là dịch nữa ».

Tôi thiết tưởng đọc những tác-phẩm của tiên sinh ta nên hiểu cái mục-dịch của tiên-sinh, thứ nhất là phải có cái quan niệm lịch sử về những văn-dịch của tiên-sinh mới được.

Như tiên-sinh đã nói tiên-sinh dịch lấy ý, không quan tâm đến từng chữ, dịch để cho cả những người có cái trí-thức thấp kém cũng có thể hiểu được. Sau này khi trình độ người mình cao hơn, văn học của mình tiến lên một bước, sẽ có những người dịch lại.

Mục-dịch của tiên-sinh là đem những văn-dịch làm phương tiện truyền bá cái tư-tưởng Âu-tây và nâng cao trình-độ dân trí.

Ngày nay ngoài cái việc xét lại, xem tiên-sinh, trước kia, dịch có

đúng và có hay không ta còn phải xem cái mục đích của tiên-sinh có đạt được không. Ta có thể giả lờ — không ngần ngại mà không sợ sai lầm — là cái mục đích ấy tiên sinh đã đi đến một cách vẻ vang.

Nói đến cái kết quả của những công việc — dịch thuật và những công việc khác — tiên sinh làm trên dưới ba mươi năm trong phạm vi văn-chương và tư tưởng, tức là nói đến cái công của tiên sinh trong việc gây dựng nền quốc-văn của ta trong cái buổi mà quốc-văn ta, thứ nhất là ở ngoài Bắc, chưa có cái hình thù gì cả.

* Tiên-sinh là một người quan hệ trong nhóm người gây cái phong-trào quốc-văn. Trong khi phần đông còn đang ngơ-ngác chưa biết hướng cuộc đời tinh thần của mình về phương nào, tiên sinh đã gọi đặt lại đặt vào tay mỗi người một cái tạp-chí mấy quyển sách quốc-ngữ. Chỉ có cái tạp-chí ấy và những quyển sách ấy mà làm cho nhiều người yêu quốc-văn, gây thành cái phong-trào quốc-văn ngày nay này còn đang bùng bùng.

Ta nhìn ra lịch-sử văn học của mình đã được bẻp một điều khá lý-ký là một phần nửa văn ngày nay không phải như những nhà văn nước khác, đã từng học những trường cao đẳng, được luyện cái tài mình dưới sự chỉ dẫn của những người chuyên môn, mà chỉ là học trò của tứ xứ xuất thân

ở cái trường Đồng dương tạp chí.

Dưới đây là vài thí dụ :

Khi Nguyễn Văn-Vĩnh qua đời một người « học trò » của tiên-sinh, lúc bấy giờ đã ra đứng chủ trương mở cơ quan văn học viết :

« Ôi! bao giờ tôi quên cho được ông thầy học trác tuệ của tôi ở cái trường « Đồng-dương tạp-chí » nó đã đào tạo tôi và các bạn tôi... thành những người yêu chuộng quốc-văn, đề mỗi người ở phương-diện riêng của mình, hiện nay đang ra công trau giồi cho ngày thêm tốt đẹp cái tiếng mẹ đẻ mà ông đã đắp móng xây nền.

« Tôi còn nhớ như mới ngày hôm qua, những buổi mấy anh em bạn nhỏ, anh lớn nhất chưa đầy 12 tuổi, cùng nhau châu đầu đọc không biết chán những *Thơ ngụ ngôn*, những *Chuyện trẻ em*, chuyện *Gil-blas de Santillane*, và kịch *Trưởng giả học làm sang* của ông Vĩnh dịch, mà chúng tôi khi ấy chỉ biết là hay lắm, vui lắm... » (1)

Hồi năm ngoài trông một cuộc « phỏng vấn » nhà văn Tam-lãng, nhậu hỏi về sự đào tạo, tôi cũng được nhà văn này cho biết rằng khi ông đi học, rất trềnh mảng những môn tính đố, khoa học; chỉ đề thì giờ phiêu lưu với chàng Lỗ-binh-Sơn, Giu-ba-la trong những sách do Nguyễn Văn-Vĩnh dịch... và :

« Tôi ngồi học, — ông nói — miệng kêu nọ quốc kêu nọ nhưng

mặt không thể rời bỏ được tập Đông dương tạp chí dưới quyền vở của mình.

« Tôi » học, học mãi trong cái trường Đông dương tạp chí ấy. kết quả sự học của tôi là ở trường thầy giáo cho làm luận quốc-văn kể chuyện một cuộc đi cưới ngày chủ nhật mà tôi làm thành một bài văn giải ngót mười trang giấy! » (2)

Thái-phỉ, Taurin, Nguyễn công-Hoan, Vũ đình-Long và còn bao nhiêu nhà phê bình, nhà tiểu thuyết, nhà viết kịch khác ngày nay đang làm việc cho quốc-văn, cùng « xuất thân » ở cái trường mà Nguyễn-văn-Vinh là hiệu trưởng ấy.

Ô. PHẠM-QUỲNH

Ông Phạm Quỳnh sinh năm 1892 tại Hà-nội quán làng Thượng-hồng, Phủ Bình, tỉnh Hải-dương. Năm 1908, khi ông mới 16 tuổi đã tốt nghiệp trường Thông ngôn cũ, vào làm việc tại Trường bác cổ Hán-việt. Ở đây ông có đủ sách vở và thời giờ để tự-học.

Năm 1917 thôi ở trường Bác cổ sáng lập tạp-chí Nam-phong và từ đây chuyên việc viết báo và làm sách.

Năm 1922, ông được cử sang Pháp dự cuộc thảo thảo thuộc địa Nhân dịp ấy ông điều thuyết nhiều lần ở những học-viện có tiếng ở Paris.

(Còn nữa)
LÊ THANH

(1) Thái-phỉ : Tạp Văn số 18 ngày 30 - 5 - 1936.

(2) « Cuộc phỏng vấn các nhà văn » của Lê Thanh.

...Lục văn Tiên nào ? (Tiếp theo trang 13)

trên báo *Indépendant de Saigon* » (1) có mấy lời phản nán nhĩng dễ sai lạc của các bạn in ra từ trước.

Lúc bấy giờ ông Trương Vĩnh-Kỷ đương ở tại Sài-gòn. Sau sao tiên sinh cũng ở đọc báo ấy và lợi-dụng ý kiến ông M. Ponchon trong khi biên-toán.

Huống chi, năm 1886, tiên-sinh có cất nghĩa truyện « Lục-văn-Tiên » cho người Pháp nghe tại trường Hậu-bộ Sài-gòn (École des Administrateurs stagiaires). Không chừng tiên sinh cũng có hỏi ông Ponchon hẳn duyệt-chính vừa nói trên.

Còn một lẽ thứ ba càng vững-vàng hơn cả. Là trước mấy ngày phát hành truyện « Lục-văn-Tiên » ông Trương-vĩnh Kỷ có mấy lời quảng-cáo trong báo « *Miscellanees* » số 5, tháng Septembre, 1889, cho quyền sách tiên-sinh thế này :

CHO RAY.

« Nay thơ « *Lục-văn-Tiên* » in cũng đã gần rồi. in rồi sẽ phát khách trại nhà in A. Barck. (tại phố bán sách cùng tại nhà cũ đãng làm mà in ra nữa Bao nhỏ báo về tiền cho người ta mua mà coi, chính câu đánh chữ lại không sai chạy (sic) nguyên bản. » (2)

Ta nên đề ý, năm 1889, ông Trương-vĩnh-Kỷ đã 53 tuổi. Là năng, tiếng-lâm và tuổi-tác của tiên sinh có thể đảm bảo đủ cho ta tin. Những lời : « chính câu đánh chữ lại không sai chạy nguyên-bản » của tiên sinh khi ấy phải là lời nói bình thường đương.

Và lại, cứ xem hai bản « *Lục-văn-Tiên* » của tiên-sinh in ra, từ hình thức đến nội-dung, ta có thể hoàn-toàn tin-nhiệm. Tiên-sinh چرا ra từng đoạn, tóm tắt đại ý của mỗi đoạn ; chữ quốc ngữ, từng câu hỏi, ngã dềa in đúng. Thật là một cách làm việc rất có phương-pháp khoa-học theo người Tây phương : kỹ lưỡng và rõ-ràng.

Thế nên, nếu miến có một bản « *Lục-văn-Tiên* » đúng với nguyên-văn cụ Nguyễn-dinh-Châu trước sau la, thì hẳn tin cậy bản của ông Trương Vĩnh-Kỷ mà thôi.

LƯU KHÊ

1) *L'Indépendant de Saigon* no 172 - 8 Novembre 1893

2) « *Miscellanees* » or *Lectures instructives sous les étios des écoles primaires, communales, cantonales et les familles* - phải P. J. B. Trương Vĩnh-Kỷ, (no 5. septembre 1889, année)

ĐA CỐ BẢN

HOA MỘNG

của TƯỜNG VÂN

1) Thơ làm (có nhiều bài đố-số, h. ca, từ k' h. v.)
2) Thơ dịch (có mấy bài đố-g. thơ v. et bằng h. l. g. rất ít)
3) Thơ dịch Pháp ngữ (lựa những bài tuyệt-tuơ của Lamartine, Victor Hugo, Alf. de Musset, Baudelaire, Verlaine, S. Prud'homme, Régner, Maeterlinck, Giosse de Noailles, v. v.)

Ông Nguyễn trệu-Luật riêng có ý để phần này mới khen dịch-giá (v. m. Tao Đàn số 13 1939) có tài vi-t-h. a văn-chương Pháp như bà Nguyễn-D. Trá (l. h. Ch. nh-ph. v. g. m.) có là vi-t-h. a văn-chương T. a. Ai muốn xem bài này xin gửi tiền 0\$10 cho Kiosque Thanh Tao-Vinh.

Hoi « *Hoa-mộng* » ở các-thị trấn sách làm.

Khảo về văn mới...

(Tiếp theo trang 7)

ranh phòng, giả cách làm kẻ lâu đài, giặc mới sợ, đến của quán xin hàng. Cự-Trình vỗ về, rồi lại cho dân về đấy đến khi tin thắng trận về đến tại cửa Nguyễn, cửa lấy làm khen ngợi.... Sau Cự-Trình làm tham-mưu đi đánh Chân-lạp, mở rộng cõi đất phía nam, đều là công của Cự-trình. Đến năm Ất-dậu (1765) chúa Duệ-tông (Nguyễn-Phước Thuần) nối ngôi, quyền thần là Trương-Phước-Loan ý thế cậy quyền, thường với các quan đến nhà làm việc. Cự-Trình chính sắc nói rằng: « Chốn triều đình bàn việc, đã có địa vị chỗ, Phước-Loan sao dám vô lễ như thế, sắp muốn cướp quyền chẳng? Trong nước sinh loạn, tất là người ấy ». Các quan không ai dám đến nhà riêng Phước-Loan, Loan cảm giận lắm, nhưng vẫn e sợ, không dám làm gì. Đến mùa hạ năm Đinh-hợi (1767) Cự-Trình mất, thọ 52 tuổi, truy tặng là lý công-thần. Đến đời Minh-mạng (1839) truy tặng Khai-quốc công-tần Vinh-lộc đại-phu Hiệp-bien đại-học sĩ, phong Tân-minh hầu, cho tước tự thái mẫn (Đại-nam liệt truyện, tiền biên, q. 5, lược thuật từ từ 5 a đến 11 a).

Lại một truyện nữa cũng về thế kỷ 18, là Hoài-Nam khúc của Hoàng-Quang, Quang là người huyện Hương-trà, phủ Thừa-thiên, thông minh có khí độ, lúc nhỏ chịu khó học, nghĩa lý rộng suốt, giỏi văn-chương, sở trường về quốc-âm. Tây-sơn Nguyễn-Huệ biết tiếng ông, bỏ cho chức quan, ông không đến. Sau ông thấy binh-sự của Tây-sơn độc dữ, lòng dân nhụt chí, ông mới làm một bài gọi

là Hoài-Nam khúc, trên thì kể công đức chúa Nguyễn khai thác bờ cõi, ân trạch khắp ra dân gian, dưới thì kể tội quyền-ti-ảo, sinh ra giặc-giã, lời rất bi-ai hùng. Tráng, người đời truyền tụng. Thái-trưởng công-chúa là Ngọc-Huyền được khúc ấy, sai người đem vào kinh Gia-dịnh dâng Chúa Nguyễn-Phước-Anh (tức vua Gia-long). Chúa Nguyễn ban cho trung-quân để hát, ai nghe cũng rỏ nước mắt. Đến mùa hạ năm Tân-dậu (1801) Chúa Nguyễn lấy lại được Phú-Luân, vua ấy Hoàng-Quang đã mất, bèn với con là Hoán, bỏ vào viện Hàn-lâm, dần dần làm đến Lại-bộ Hữu-tham-tri. (Đại-nam liệt truyện, tiền biên, q. 6, từ 22 a và 22 b).

Đến bài Hồi-loan cửu - khúc ca thuộc vào giữa thế-kỷ 18 và 19. Tương truyền của Đặng-Đức-Siêu (1751-1810) soạn ra.

Siêu người Đông-sơn, Bình-dịnh, đời đời làm nghề nho-y, lúc nhỏ trọ học Trảng-an, ngụ ở xã Xước-dụ, huyện Hương-trà, lấy họ Nguyễn làm vợ, nhân làm nhà ở đấy. Năm 16 tuổi, đỗ kỳ thi hương. Trong đời Duệ-tông (1765 - 1777) làm quan đến chức Hàn-lâm. Năm 1774 quân Trịnh nam-vấn. Đức-Siêu lánh ở Long-hồ, dạy học-trò... Họ Trịnh với không đến Tây-sơn cho chức quan cũng không nhận. Chúa Gia-long đóng ở Gia-dịnh, sai người đến triệu, nhưng vì đường xa khó khăn, không đến nơi được, đến mùa đông năm Mậu-ngọ (1798) đáp thuyền vào Nam, do Nguyễn-van-Nhân dẫn vào yết kiến, dâng mưu kế bình Tây-sơn, Chúa Gia-long khen ngợi, nói rằng: « Ta mong nhà người đã

lâu lắm, sao nhà người đến chậm vậy? » rồi bỏ chức Giám-quân Siêu từ chối là đến sau, sợ chưa hợp nhân-tình, lại xin nhận chức Hàn-lâm như cũ. Chúa truyề rằng: Chức Hàn-lâm trật bậc còn thấp, khó làm việc, bỏ chức Trung-dinh tham-mưu ngày đêm hầu cận ở bên giường màn. Chúa Nguyễn càng ngày càng yêu mến Siêu từ cho thỏ là vua sáng tỏ hiền-gặp nhau, bèn giải hết những điều mình biết. Năm 1799 theo Chúa Gia-long lấy lại thành Qui-nhon, đổi tên Bình-dịnh. Năm 1801, Chúa Gia-long lấy lại được Phú-xuân, Quảng-Toản chạy ra Bắc, mùa đông năm ấy (1801) thăng bộ Lễ Siêu cố từ không được năm Nhâm-tuất (1802) bàn về việc ra đánh ngoài Bắc, Siêu và Trần-văn-Trắc tâu rằng: « Nhà Lê từ khi vua Chiêu-thống sang Tàu, không trở về, đất Bắc-bà đã về Tây-sơn chiếm được. Huống chi từ khi nhà vua lấy lại Phú-xuân, thần-dân nhà Lê không có một người nào ưng nghĩa để đánh giặc, thế đủ-biết là nhà Lê không trung-hung được nữa. Nay ta đánh Tây-sơn, lấy lại cõi Bắc, thế là lấy của Tây-sơn, không phải lấy của nhà Lê. Về việc ấy, sau khi dẹp yên, sẽ xử-trí. Duy có việc diêu phật (thương dân đánh kẻ có tội), quý hủ có tên, thì những quân ưng thuận (ưng lễ gọi, thuận lòng người) tự nhiên cách chính (bỏ chỗ tối theo về lẽ chính). Nay đánh Bắc-bà mà còn dùng niên-liệu nhà Lê, sợ người Bắc-bà, bảo mình là mưu cơ phò Lê... Chi bằng chính ngôi vua, đổi niên-hiệu, tuyên đại-ngaiá cho thần-hạ đều biết, được nước là chính, không

ai di nghị). Chúa Gia-long phò là phải, lấy năm ấy gọi là Gia-long nguyên niên, đem việc đi đánh Bắc-lã, bả cáo trong ngoi. Năm ấy thiên hạ Đại-dinh, lại bả cáo về việc vũ thành (việc vũ đã xong). Tương truyền bài ca Hồi-loan cứu khước, là Đặng-dức-Siêu soạn ra, dùng tiếng quốc-âm, nay những ca ông ở Thanh, Nghệ, bầy còn truyền tụng.

Lưu-bất-giờ những lễ lễ giao miếu xã tắc, hết tuất mới cả, Siêu là người am thông việc cũ cho nên những lễ lớn ở triều đình phần nhiều soạn định, vua rất kính trọng. Năm Gia-long thứ 2 (1803) gặp lễ sách-phong Tống-phi làm Vương-hậu, Siêu sung chức « Phụng sách » (bằng sách phong). Năm Gia-long thứ 4 (1805) sung chức Hoàng-tử phụ đạo, vua Minh-mạng có đức thánh thần, phần nhiều công ông giúp ích. Năm Gia-long thứ 8 (1809) mới đặt ra lục bộ thượng-thư, Siêu được làm thượng-thư bộ Lễ. Đến năm Gia-long (1810) mất tại chức quan, thọ 60 tuổi, truy tặng Tham-chính, ban cho gấm vóc đồ khâm liệm và cấp mộ phu trông nom. Đến năm Minh-mạng thứ 6 (1825) truy tặng thụy-sơ Hiệp-biện đại-học-sĩ, Anh là Đặng-dức-Huy cũng là người liêu học, giỏi thơ quốc-âm (lược theo Đại-nam liệt-truyện sơ tập q. 10, tờ 3 a đến 9 b).

Cuối thế kỷ 18, đầu thế kỷ 19, có quyền Đại-Việt thủy lục trình, ký bằng quốc-âm của Trần công-Hiến, Hiến là người huyện Chương-nghĩa, tỉnh Quảng-nghĩa, có khí tiết, lúc nhỏ đi học chữ nho, nhà nghèo, cha mất sớm, thờ mẹ rất có

hiếu, trong đời Tây-sơn, Hiến thường đi lại cả miền rừng ở Bình-hòa, Bình-thuận, Phú-yên và Qui-nhơn, mộ nghĩa-binh chiêu dụ các mán mọi, sau bị Nguyễn-Nhac truy nã, mộ binh phải giải tán. Năm 1793, yết kiến chúa Gia-long ở hành-tại Thi-nại, mặt tâu mưu kế đánh giặc, và xin về nội ứng. Chúa Nguyễn y cho, sau theo chúa Gia-long đánh giặc, nhiều trận có công lao. Năm 1802, Nguyễn quang-Toản đem quân vào cướp, vua Gia-long thân hành đón đánh. Trần-công-Hiến đem quân thủy đánh giặc, bắt sống được thượng-thư của giặc là Nguyễn-thế-Trực và quân giặc rất nhiều. Tháng 5 năm ấy vua Gia-long đem đại-binh ra lấy Bắc-lã, Công Hiến theo Nguyễn-văn-Trương tiến đánh Nghệ-an và Sơn-nam hạ đều hạ được. Khi vua dời thành Thăng-long, cho Công Hiến lấy bản-chức

(tham-quan) làm trấn-thủ Hải-dương. Năm 1803 thăng Chương-cơ vẫn giữ trấn Hải-dương. Hiến ở trấn, chiêu-dụ lưu-dân, đánh dẹp các trộm giặc. Năm 1809, có tang mẹ, về dinh tru, hết tang lại khởi phục làm trấn-thủ Hải-dương, gặp năm bão lụt kém đói, ông lập Chẩn tế đường ở cửa trấn dân nghèo đến ăn, được nhờ ông mà sống rất nhiều, những nơi bị hại, cho vay lúa giống đến mùa gặt hái lại giảm Hai huyện Vĩnh-lại Từ-kỳ đất gần nước mặn, khô cây trồng, ông sức dân đắp đập ngăn nước mặn, ngay bấy giờ được hơn tám nghìn mẫu cấy chiêm, nhân dân tiện-lợi, gọi là « Trần công-yên » đập của ông Trần, đến năm dinh-sửa (1817) mất tại chức quan.

Hiến làm quan thanh liêm binh dị, thường giải được những án bị oan, tlinh hiếu học, mỗi khi đi qua đường bẽ đường

TU SÁCH NGÀY MỚI

ĐẠI HỌC THƯ XÃ trình bày:

Đã phát hành: **VĂN-HỌC và TRIẾT-LUẬN**

Hà Nội-Sơn viết qua thực-trạng của xã-hội Việt Nam lúc-giữa phổ-bình và nghiên-cứu về phụ-nữ liêu-thuyết, thi-ca, kịch-ban, g họ-đạo, lịch-sử, diên-văn, Văn-phạm, triết-học, kinh-tế, trong tác-phẩm của những nhà văn: Vũ Trọng Phụng, Lan Khai, Anh thơ, Hồ Dzếnh, Đoàn Phú-quy, C.K. Sơn, P.V. Huệ, Lê, Du, Hoàng-ngọc Phách, Trần Trọng Kim, Phạm duy Kiên, Bùi Kỷ, Đoàn Phú-thái, Nguyễn Lương Ngọc, Nguyễn Xuân Sanh, Phạm Văn Ngũ, hay Cận Ngô tất ố. Giá 2\$50

SAP XUAT BAN:

K-ÔNG GIAO VỚI ÔNG ĐÀO DUY ANH

nghiên-cứu của V, p, t, uy, t, D, m.

VĂN CHUÔNG VÀ XA-HOẠI nghiên-cứu của Lương dư Thiệp
VỀ VÀ SỐNG của Nguyễn xuân Hạc

CÓN MỘT 11:

MỆ ỚI gia đình liêu-thuyết của Nguyễn khắc Mẫn Giá 3\$50

ĐẠI-HỌC THƯ-XÃ

181 Henri d'Orléans Hanoi Giám Đốc: LÊ VĂN CẦU

bộ nào đều có chép cả, nhân khi thông thả, đem những giấy tờ đã chép ấy diễn thành quốc-âm, tên là *Đại-Việt thủy lục trính ký*. Lại sức các phủ, huyện, chép những tên núi sông, phong vật, thổ ngơi, và kỹ-giệ từ dân gọi là *Hải-dương phong vật ký*. (Lược theo *Đại nam liệt truyện sơ tập* - q. 16, tờ 18 a đến 21 b).

Còn truyện *Kim-vân-Kiền* cũng về đầu thế-kỷ 19, nhưng truyện *Kiền* và *Nguyễn Du*, ai cũng biết, không phải nói lại làm gì.

Lại một bài phú bằng quốc-âm của Đặng-trần-Thường. Thường là võ-tướng của vua Gia-long, quốc dân ta còn truyền-tung « *lân-lý* Thường » nhưng là người thuộc được lý-lịch của Thường nên lược-thuật dõng này: Thường là người huyện Chương dục, trấn Sơn-nam, học rộng, có tài, đỗ sinh đồ, hồi cuối Lê, đến khi Tây-sơn chồm cừ Bắc-phà, các quan nhà Lê phần nhiều theo Tây-sơn, nguyên Thường có quen Ngô-thời-Nhậm ở Thanh-oa, Nhậm lúc ấy làm Binh bộ thượng thư triều Tây-sơn, Thường đến chơi, bàn đến lịch-sự, Nhậm nói rằng: « Người quân-lữ phải cốt thông biến mới làm được công-nghiệp, nếu cứ khu khu thì có ích gì? » vừa nói vừa có ý khỉnh dể Thường. Thường đứng phắt dậy, về, bảo người nhà rằng: « Ta phải giết cho chết thằng giặc ấy », từ lúc ấy Thường mới có chữ đánh đồng dẹp bạc. Năm 1793 gặp Nguyễn-dinh-Đắc từ Gia-dinh đến chiêu-dụ,

Thường cùng Nguyễn-bá-Suyển vượt bể vào Nam, đến Diên-khánh vào yết-kiến Đông-cung-Cảnh, vài rồi nói rằng: « Chưa ra mắt quân vương, chưa dám lay », Đông-cung cười, ban cho của cải rất nhiều. Năm 1794, đến cửa bể Cần-giờ, sai người dâng biểu dể tiểu thần, vua Gia-long xem, lấy làm kỳ dị, giục cho vào yết kiến, đến khi vào, ứng đối đều hợp ý. Vua ban cho ba trăm quan tiền, một trăm vuông gạo. Thường được vua yêu dùng, lại càng cố sức: từ khi làm chức, tẩn-lý binh vụ cho đến khi lĩnh binh bộ hữu-thứ Bắc-thành, nhiều trận có công lao khó nhọc. Mùa xuân năm 1803 thượng-thư của Tây-sơn là Ngô-thời-Nhậm, Phan-huy-Ích và Nguyễn-gia-Phan ra thú, gởi về kinh, Triều-dinh bàn, đem ra văn-miêu đánh rồi tha, lúc ấy ba người cùng bị đánh, mà một mình Ngô-thời-Nhậm bị đánh đau chết, là Đặng-trần-Thường mưu sử đó.

Năm 1808, Thường làm Tổng-lý Bắc-thành đề-chính, năm 1809, triệu về kinh, thăng Binh-bộ thượng-thư, lại sai ra quản-lĩnh Bắc-thành binh-tào. Đến mùa đông năm 1810, triệu về làm quan tại kinh. Thường và Lê-Chất vốn hiềm khích nhau, khi Lê-Chất được phong quận-công, Thường nói chuyện với người ta rằng: « Chất mà được quận-công, thì chúng tôi đáng làm mười quận-công », Chất nghe lấy làm căm giận lắm. Đến khi Lê-Chất ra trấn Bắc-thành, nghe được chuyện trước kia Đặng-trần-Thường khai thần sắc có ân-nặc về tội nam xâm của Hoàng-nữ-Phúc, cho hỗn nhập tự-diễn, lại đem người thân-thuộc khai gian là Phúc-thần, cùng với tham-trị bộ Lễ là Nguyễn-gia-Cát đồng dâng mạo cấp phong sắc. Chất đem chuyện ấy tâu vua, hòng dâng sớ xin thú tội. Vua truyền rằng: « Các người lừa người khinh thần, việc ấy mà còn

ĐÃ CÓ BẢN

Khảo cứu về tiếng Việt-nam	của Trà-Ngân	Giá : 2\$50 -
BƯỚC ĐƯỜNG MỚI	Truyện dài lý-tưởng của Dương-Ngà	— 3, 00
KIM TỰ - THÁP	của Phan-Quang-Định	— 2, 00
NỬA ĐÊM	Truyện thần quê của Nam-Cao	— 2, 00
MỘT MỐI TÌNH	của Phạm-Huy-Toại	— 3, 00
GIẤC MƠ PHÒ MÃ	Sách Hoa-Mai của Vi-Hồ	— 0, 20
PHÁCH BƯỚM HỒN HOA	Sách hoa-Mai của Thế-hưng	— 0, 30
BẦY BÔNG LÚA LÉP	Sách Hoa-Mai của Nam-Cao	— 0, 50
HƯNG-ĐẠO-VƯƠNG	Sách Hoa-Mai của Tiêu-Lang	— 0, 50

NHÀ XUẤT-BAN CỘNG-LỰC

N° 9 Rue Takou — Hanoi

nhấn tâm làm, thì việc gì là không nhấn tâm? giáo trứu đình kết tội, Thường và Gia Cát dền tội «trảm giam hậu», rồi được tha, ở kinh. Chết lại nói Thường ở Bắc-thành làm nhiều điều bất pháp, nào là chiếm đầm, ao, ăn nặc đình, điền, thuế lệ, xin bắt ngay cả trị tội đại bị kết án tội «tự». Khi Thường ở trong ngục, rượt say nói rần, Thường làm bài phú bằng quốc âm, gọi là *Xương tôn phú* vì với Hàn-dĩnh, tội lẽ trong bài có ý oán trách, Triều-dĩnh xét tội đáng giết. Năm Bình-tý (1846), bắt tội giảo (thắt cổ) tịch ký gia sản. (Lược luyệt đại-nam liệt-truyện, sơ tập, từ tờ 15 a đến 21 a).

Đến bài *Hạnh-Thục ca* của bá Lê-tân Nguyễn-nhuộc thì Bình, trước đã đăng vào số 118 hay không phải nhắc lại.

Đến quyền *Thi kinh quốc-âm* của Tùng-thiện quận-vương Mên-tâm (1819—1870). Ông là con thứ 10 vua Minh-mạng, có tiếng về nghề thơ đời bấy giờ ông đặt hiệu là *Thương-sơn*, cho nên những sách của ông soạn thuật, có những tên *Thương-sơn thi-*

tập-Thương-sơn thi-thuyết, *Thương-sơn từ tập* v. v. cộng 14 tập, trong 14 tập ấy có một tập quốc-âm là quyền *Kinh Thi* ông lại xuất bản hộ các bậc hữu-trung tập. Vua nay «vãi bát lạng» quởn quá-vương là người học rộng tài hay, như vậy không ai dễ ý đến tập-quốc-âm của ông (Đ. n. l. tr. một tập, q. 5, tờ 26 b 31 a).

Đến Đặng huy Trữ, người huệ Quảng-diền, Thừa-thiên, cha là Đặng văn Giản đỗ năm kỷ qua tức là. Huy-Trữ là người thông minh, đỗ hương cống khoa quý-mão (1843) năm sau thì Bộ được trúng cách, đến khi vào đến trí, dùng chữ bất cần, bị truất mất cả hương cống; đến khoa đình mùi (1847) lại đi thi đỗ hương cống, năm 1848 bổ làm huyện, dần dần thăng tri-phủ, có tiếng chỉn sự giỏi, được thăng giám sát ngự sử rồi thăng thượng thư. Lúc ấy có thủy sư tham-tri Nguyễn-Liận là người cùng làng, những nhieu binh lính, bắt lấy gỗ cây, Huy Trữ dâng sớ hạch tội, cố thực-trạng, rồi được thăng Hồng-lô tự-khẩu lĩnh Quảng-nam bố-chính, làm quan ba năm, xin lập nghê-pộ để thu thuế, lại xin các xã dân lập

nghe-thể (ngồi một người có ngựa). Vua y cho, năm 1868, dời về Biện lý bộ Hộ, ông xin đặt ty Bình-chuẩn, và nói rằng: Ngồi buổi đầu là rube ngoi mà ich nước, sau đây phải an ninh và ở triều đình trong có chi tội nhieu phải an ninh tinh thần, địa phương và xem được địa thế nào, rồi hãy bàn, thì mới làm nổi. Vua nghe theo, sai ông làm chủ sự, trước đi xử ở ngoài bề để xem xét Trữ lĩnh, rồi ông làm hiệu nhất tiền công, bị giáng và trước tác sung cấp Bang-bộ Ninh-thái, đề bồi chi ông, đến năm 1874 cất tại nhà trọ ở Hà-nội. Ông là người khẳng khái có chí lớn, cho nên ông mất, nhiều người throng tiếc. Hôm ông mất có di chúc quyền táng ở đất Hà, sau quan tỉnh Hà-nội tâu vua, vua truyề rằng «Trữ là người có học văn, không phải là vô dụng» ban cho một trăm quan tiền và cho các quan tỉnh đưa về ngỗu quán.

Bình sự ông trước thuật nhiều sách, nhưng sách quốc-âm thì có quyền *Thánh huấn diễn âm* và quyền *Ngũ giới diễn ca* (Lược theo Đại-nam liệt-truyện chi tập, q. 20, tờ 5a và 6 a).

Ứng-hoè NGUYỄN VĂN 10

RAY ĐOC

NHỮNG SỰ GẶP GỠ CỦA BÔNG PHƯƠNG VÀ TÂY PHƯƠNG

của Giáo sư VŨ BỘI TIÊU

Một thiên khảo-cứu công phu — một câu chuyện văn chương đầy rẫy những thú nhận khó nhọc và thú vị — Một quyển sách phân tích và so sánh những cái tài hoa của ngôn ngữ Việt-nam, và cho ta rất nhiều cái trở về với công-lav văn chương đất nước.

Sách dày 300 trang

Giá 0\$00

Nhà xuất bản, TAN VIỆT — 29 Lamblot — Hanoi

TIỂU-THUYẾT LỊCH SỬ

An Cư

Khiến nhân tống An-Tư công-chiến
vui Thoát-Hoan, dục thư quốc nan dã. 3
(Đạo) Việt hử ký toàn thư)

Kính tặng hương hồn mẫu thân

NGUYỄN-HUY-TUÔNG

Số 8

Các cụ dần dần tới cả người thì đầu tóc bạc phơ, người thì loa râm lõm đốm, ai nấy đều mặc những quần áo mới, hoặc, sẫm lầy, hoặc dân làng sẫm cho. Họ từ những hang cùng ngõ hẻm, từ những xóm hie, núi dõ ở khắp các đường các ngã đi lại, gần thì đi bộ, già qu'á thì trông gầy trẻo xa thì đi tuyền, đi ngựa hay đi cang, người nào cũng có dấu đinh hay con cháu cấp tráp mang điếu theo hầu. Mặt người nào cũng nghiêm trang, vì uôi cao cũng có, nhưng vì sự mệnh lớn lao mà họ mang trên vai già yếu thì nhiều."

Tất cả 300 cụ hơi ngơ ngác vì cảnh sa-lệ của thư đô và vẻ lịch sự của khách kính kỳ. Nhưng họ đã được những người này, chào đón bằng nét mặt đầy cảm-đinh, bằng những cử chỉ thân ái, bằng những câu cười tiếng nói mềm mại, bằng khúc nhạc thân mật, người ta kiếng chân giờ tay. Trong những tiếng ồn ào, thường luôn luôn tung ra một điệp khúc rất quen.

— Các cụ xin đánh cả nhé. Xin đánh.

Các cụ gật đầu, miệng nở một nụ cười đồng điệu. họ không ngờ

tĩnh lặng của những người xa cách hàng bao nhiêu quan san lại có chỗ giống nhau đến thế.

Các cụ đã tiến vào trong điện Diên-hồng, một ngôi nhà uy nghiêm rộng rãi mà nhà vua dùng làm sở tiếp các Đại bầy tôn kính của dân gian. Thềm rồng cột lía lỉn đảnh tiên chào đón kẻ què mùa: c'ầu sân lạn bụi hoàng phần ánh những rớt mặt sạm phong trần bày nên một cảnh tượng kỳ thú. Một bữa tiệc đồ-vương dọn thết các vị Đại tôn xưng tất cả danh công, c'ư khanh thân ngồi bồi tiếp Thiên-tử, đại gia và binh dân ôn tồn trò chuyện, thân hơn một bữa ăn trọng gia đình. Vua hỏi tuổi, hỏi gia thế, con cháu một người, cả việc làm ăn, ruộng nương chợ búa, cười nói tự nhiên; lần đầu tiên ngài được thỏa cái tình thân thân dân của mình.

Đối với các bà lão, thì đây là một vinh dự hân hữu mà phần lớn quan hệ cũng không bao giờ được hưởng. Họ dăm dăm chờ đợi câu hỏi chính của nhà vua. Mãi đến khi tiệc lớn đã tàn, mọi người đang uống nước an trà, vua mới đứng lên, nói rõ về sự uy hiếp của quân Mông, sức mạnh

và tài chính chiến của họ, bắt buộc công tử những nỗi nhục mà Triều đình phải chịu đựng, phác qua tình cảnh non sông, cũng cái thể khiến cho mình do dự và bối:

— Nay quốc gia nguy ngập, trăm và Triều đình không quyết nổi, vì quốc gia là của chung, nên trăm phải triệu liệ vị vào đây để hỏi ý. Thế của là nay chỉ có hai cách: cho nó mượn đường hay đánh lại, xin liệ vị chỉ giáo cho.

Tiếng đáp đã sẵn sàng ngay từ lúc bước chân lên đường, các cụ đồng thanh, muôn người một miệng:

— Xin đánh!

Lời đáp vẫn tất, danh thép đánh tan mối do dự của quân vương, khích lệ tướng sĩ, thôi thúc dân gian, vẫn còn vang vọng bên tai mọi người và còn quyền trong núi rừng ngoài biển cả như một lời cảnh cáo quân thù... Từ khi sắp bỏ lã về, người tống ngũ mỗi ngày một đông, các chiến sĩ ra giong luyện tập, và các mõ gọi trai tráng ra điếu, ngày đêm không ngớt tiếng rao.

Dân chúng Thăng-long vẫn còn nhớ như in cảnh tượng ngày lịch-sử ấy, cả bà lão đã thấy họ đặt đạo lên cửa trú ngụ. ý kiêu-quyết của bản dân trên họ. Họ ngày nay chỉ nghĩ làm sao giúp vua đánh kẻ thù, vì họ đều cảm thấy mang một trách-nhiệm lớn trong cuộc chiến tranh mà họ muốn và đã gây ra.

« Sát Thát » đã thành khẩu hiệu chung của tất cả đẳng cấp dưới trời Nam.

Sau hội nghị Diên-hồng, vua Thiệu Bảo bác thư Trấn-nam-vương mượn đường, xuống chiếu là lợ quân Nguyên, khuyên mọi

người trong nước đồng tâm phá giặc. Và đáp lại thái độ tự-vệ ấy của người Nam, một lệnh truyền của Hốt tất Liệt, Thoát Hoan kéo 50 vạn quân hùng hổ tiến sang, chiếm Nam-Quan, xâm lấn Lạng-giang, trường khu cướp ai Chi-Lang, tràn xuống Bắc-Giang, uy hiếp Vạn-kiếp, thế mạnh như vũ bão. Nhưng tất cả chiến thắng cũng những độc ác của quân thù không làm gãi nổi đại trí của dân gian, trái lại, họ càng quây quần chung quanh vua, trong một mối đồng tâm sắt đá. Bất đầu từ ngày khởi chiến, tay tư cách là đại biểu của toàn quốc mang trách nhiệm lớn lao hơn cả mọi người, vua Thiệu Bảo sống một cuộc đời khắc khổ hơn mọi vị vua khác: ăn không dùng niễng ngon, mặc không dám đổi thứ ấm, bỏ hết những xa hoa phú quý, đêm đêm nằm nghĩ trên một chiếc giường thô kệch. Vậy mà vua vẫn thấy mình còn sung sướng hơn

mấy vạn chiến sĩ ngoài biên. Vì vua biết còn được ở cung cấm, xa hàng nghìn dặm cõi sa trường, thì cuộc đời dù cực khổ đến đâu cũng vẫn còn là đời thảnh thơi so với cảnh huống của chính phủ.

Vì thế mà cảm tình của dân chúng đối với vua càng mật thiết. Và sáng hôm nay thấy vua vội vã ra đi, không trên bộ ngựa, đi an ngay có sự quan trọng chi đây. Họ lũ lượt theo vua như làn sóng dềnh lên bờ sông Cái.

Vua tới bờ sông, dừng lại, cảm động vì lòng quyến luyến của dân gian. Tiếng hò « Vạn tuế » vang lên trên khúc sông, thổi từ trong tham tam thành-hào. Vua đứng nhìn mọi người một lượt, gạt đầu tươi cười, rồi giơ tay ra biệt của họ về. Nhưng họ vẫn đứng nhìn theo. Vua đã cùng Cha ông thành vương, lên tiêu tới Điền Lai, lúc nào cũng theo hầu cận, ruộng một chiếc thuyền nan, trên thuyền có

ĐẶC SAN VỀ MÙA THU

Tôi-Tân dự định cho ra một số đặc san về mùa thu vào khoảng tháng tám ta.

Số đó sẽ có các mục chính như:

1 - Thơ văn mùa thu.

2 - Các việc lịch sử trong mùa thu.

3 - Hải trình quan và nhữu khác.

Chúng tôi xin báo trước để các vị hữu muốn cùng chúng tôi góp mặt trong số đó liệu gửi bài về số này cho tiện việc xếp đặt.

Xin lấy đơn xin số đặc san này viết rất công phu.

TÒA-SOẠN

hai người thủy thủ. Cầu thuyền chèo quanh cũng nhào nhào dềnh bô « Vạn tuế ».

(Còn nữa)

NGUYỄN HUỖ TƯƠNG

MUON CON HIỀN, CHÁU THAO
TRONG NHÀ PHAI CÓ SÁCH

TÂN HIỆU-KINH

(có nguyên-văn chữ Hán)

ĐA CÓ BÁN

Giá: 1 \$ 20

Du-Thuyết yếu-thuật	3 \$ 50
Lịch-sử Báo-Chí	2 \$ 00
Nghệ-thuật và danh-giáo	2 \$ 50
Phụ-nữ Việt-Nam	2 \$ 50
Khổng-Tử học-thuyết I	4 \$ 50
Việt-Hoa, thông-sử sử lược	3 \$ 00

QUỐC-HỌC

71 HƯ-XA HANOI XUẤT-BẢN

Thư-xã Alexandro de Rhodes

Một xuất bản hai cuốn.

TRUYỆN RỪNG XANH

Phạm-xuân-Đỗ phỏng thuật

Theo cuốn « La vie de la Jungle » của R. K. phing gồm có mười truyện, kỳ lạ và lý thú, nhiều tranh ảnh, dày 170 trang, khổ 17x23.

LỤC SỨC TRANH CÔNG

phân tích Ph. H. van den Hoogenboom và A. de R.

Bản-phẩm cuốn này, Cố Cadore đã nói: « Sách Kim Sơn Kiển và Chinh phục ngàn, thì Lục súc tranh công của cụ này, phổ biến và có vẻ là an phận hơn hẳn » dày 150 trang khổ 17x23 giá 5 đồng và nhữu tranh ảnh.

mở cuốn bản-phẩm này 1 \$ 00 và 5 \$ 00

bản gi y Đại L 12 \$ 00 (mức 1 \$ 10)

Tổng ph. t. hành.

MAILINH

21, Rue des P. pes Hanoi

Mới xuất bản

TRUNG-QUỐC SỬ LƯỢC của PHAN KHOANG

Một bộ sách kê-cứu rõ-ràng về văn-minh Đông-Á. Cái văn-minh ấy trong khoảng ba bốn nghìn năm nay đã chi-phối cuộc sống tinh thần và vật-chất của mấy trăm triệu con người ở Á-Đông này.

Thật là một bộ sách rất quý của hết thầy mọi người muốn biết cái căn-nguyên về văn-minh tối cổ ở Á-Đông.

Sách dày ngót 500 trang in làm 2 loại :

Loại thường bán 6\$90 cước 6\$47

Loại đặc-biệt 15\$00 cước 6\$80

Thư và ngân phiếu xin gửi về cho :

Nhà in MAI-LINH Hanoi

25- Aout có bán



Hải bà Trưng khởi nghĩa

Tác giả: NGUYỄN-TẾ-MỸ

- Những lực lượng nào đã giúp hai bà Trưng chiến thắng? Và những nhân nào đã làm ra sự thất bại của hai bà?
- Tinh cách cuộc khởi nghĩa đó là tích cách gì? Ảnh hưởng của nó trong xã hội Việt Nam dưới quyền đô-độ triều Hán ra sau?



HÀN THUYỀN PHÁT HÀNH

71 Tien Xim Hanoi

đã có bán :

do QUẢNG VẠN THÀNH phát hành

LÒNG VÀNG

Ed de Amicis đại văn hào nước Ý, soạn
Hải-Hạc dịch

Một quyển giáo-khoa đào luyện tinh thần ái quốc. Các giáo-sư, các phụ huynh và các học sinh đều nên đọc để rõ biết cách giáo-dục bằng tình cảm, và rèn luyện tâm tư trí-khí cho trẻ em.

Giá 4\$00

Ở xa, xin gửi thêm 0p.60 cước bảo đảm.

đang in :

ĐỜI ĐOÀN THỂ

Hải-Tùng soạn

Một thiên « THỜI BỆNH LUẬN » rất đáng nên đọc

Giá 2\$00

Vì nào gửi tiền đặt mua trước ngày 15 Juillet 1944, xin trừ 25%. cước phí không phải chịu.
Vì nào muốn biết nội-dung sách, xin cho biết địa-chỉ.

Thư trả tiền xong xin đề

ô. Nguyễn Văn Minh

Hiệu Quảng Vạn Thành - Hanoi, 16 phố Lê Lợi

Haiphong, 51 + Donner - Hải-Dương Kinh mọ phố Yên Lư

REVUE TRI-TAN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1944 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant: Nguyễn Văn Thành Phụng

Tri-Tân 93-

Quảng, Hà Nội